

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1933*/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *09* tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án sắp xếp trụ sở làm việc
khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình
tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW, ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;

Căn cứ Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Kết luận số 160-KL/TW ngày 31/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về thực hiện nhiệm vụ sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính, đảm bảo tiến độ, yêu cầu theo các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ các Công điện của Thủ tướng Chính phủ: số 68/CĐ-TTg ngày 20/5/2025 về việc triển khai sắp xếp, xử lý trụ sở, cơ sở vật chất khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp; số 80/CĐ-TTg ngày 01/6/2025 về việc đẩy mạnh công tác triển khai thực hiện phương án xử tài sản sau xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp;

Căn cứ Công văn số 4891/BTC-QLCS ngày 15/4/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung việc sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản công khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính;

Căn cứ Kế hoạch số 238-KH/TU ngày 01/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về thực hiện Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 23/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Căn cứ các Đề án của UBND tỉnh Thái Nguyên: Số 2912/ĐA-UBND ngày 24/4/2025 về việc sắp xếp, nhập tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên; số 2913/ĐA-UBND ngày 24/4/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Kết luận số 1833-KL/TU ngày 06/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về phương án sắp xếp, bố trí xử lý đối với trụ sở làm việc khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính; chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức người lao động đến công tác tại trung tâm hành chính của tỉnh sau hợp nhất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 116/TTr-SXD ngày 09/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án sắp xếp trụ sở làm việc khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, với nội dung như sau:

1. Phương án sắp xếp, bố trí trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Chi tiết tại **Phụ lục I** kèm theo.

2. Phương án sắp xếp, bố trí trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị trực thuộc các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Chi tiết tại **Phụ lục II** kèm theo.

3. Phương án chuyển giao/điều chuyển trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị cấp huyện khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp: Chi tiết tại **Phụ lục III** kèm theo.

4. Phương án sắp xếp, bố trí trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị cấp xã: Chi tiết tại **Phụ lục IV** kèm theo.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

Trên cơ sở phương án sắp xếp trụ sở được phê duyệt, cơ quan chủ quản thực hiện tiếp nhận, quản lý trụ sở được bố trí theo quy định pháp luật hiện hành.

1. Đối với cấp xã

- Cấp xã (mới) thực hiện tiếp nhận, quản lý toàn bộ trụ sở cấp xã (cũ) trên địa bàn. Cấp xã (mới) thực hiện bàn giao trụ sở cho các cơ quan, đơn vị theo phương án sắp xếp được duyệt và thực hiện các thủ tục theo quy định. Trường hợp chưa có cơ quan mới tiếp nhận thì cấp xã (mới) tiếp tục quản lý, bảo quản cho đến khi bàn giao cho cơ quan khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối với các trụ sở dôi dư của các cơ quan, đơn vị cấp huyện sau khi sắp xếp chưa có cơ quan, đơn vị mới tiếp nhận thì bàn giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh quản lý theo quy định.

2. Đối với cấp tỉnh

- Các cơ quan, đơn vị thực hiện bàn giao, tiếp nhận các trụ sở của các cơ quan Trung ương, cấp tỉnh, các đơn vị trực thuộc, cấp huyện, cấp xã theo phương án sắp xếp được duyệt và thực hiện các thủ tục theo quy định.

- Đối với các trụ sở dôi dư của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh sau khi sắp xếp chưa có cơ quan mới tiếp nhận thì cơ quan đó tiếp tục quản lý, bảo quản cho đến khi bàn giao cho cơ quan khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đối với trụ sở của các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh

Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản nhà, đất đối với các trụ sở của các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã chủ động xây dựng kế hoạch di chuyển trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện bảo đảm ngay hoạt động bộ máy khi thực hiện sắp xếp đơn vị theo mô hình đơn vị hành chính mới.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương bàn giao, tạm bàn giao trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài sản khác và các điều kiện bảo đảm phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh các khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có văn bản gửi về Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết theo chức năng, nhiệm vụ. Trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *[Signature]*

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Các Huyện ủy, Thành ủy;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD, TH, KT.

Sonnk...T6.QĐ20

[Signature]

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Linh

Phụ lục I
Phương án sắp xếp, bố trí trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh
 (Kèm theo Quyết định số 1085 /QĐ-UBND ngày 09 /6/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Stt	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC, VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC, VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
I	Khối tỉnh									
1	Tỉnh ủy, các Ban tỉnh ủy		Trụ sở Tỉnh ủy tại số 28 đường Phan Đình Phùng, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên	37.598,0						
1.1	Thường trực Tỉnh ủy	2	Nhà A Tỉnh ủy		591,0	3	02 đồng chí Thường trực Tỉnh ủy tiếp tục sử dụng trụ sở nhà A Tỉnh ủy. Bố trí thêm 01 phòng của 01 đồng chí Thường trực Tỉnh ủy tại 01 phòng của Trường ban tại tầng 1 nhà C Tỉnh ủy			Sau khi nhà 7 tầng Tỉnh ủy hoàn thành, các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy sẽ chuyển về nhà 7 tầng.
1.2	Văn phòng Tỉnh ủy	40	Đang sử dụng tạm tầng 3 Nhà công vụ và đón khách của Tỉnh ủy		3.150,0	76	Trước mắt tiếp tục sử dụng Nhà công vụ và đón khách của Tỉnh ủy, sau khi nhà 7 tầng Tỉnh ủy hoàn thành sẽ sử dụng tầng 2, nhà C. Bố trí tầng 4 nhà 6 tầng Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh cũ làm Kho hồ sơ đảng.			Di chuyển các đơn vị đang ở tại tầng 1,2,4 nhà 6 tầng Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh cũ gồm: Hội Văn học nghệ thuật, Hội doanh nhân Cựu chiến binh, Hội sinh vật cảnh, Hội người cao tuổi, Hội Nhà báo tỉnh, Ủy ban đoàn kết công giáo, Hội Da cam, Hội Cựu chiến binh sang trụ sở mới

Stt	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC, VC, NLD (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC, VC, NLD dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
1.3	Ban Nội chính Tỉnh ủy	20	Tầng 5 nhà C Tỉnh ủy (13 phòng trong đó 03 phòng lãnh đạo, 8 phòng làm việc, 01 phòng họp, 01 kho). Diện tích làm việc 294m2		1.366,0	41	Tiếp tục sử dụng Tầng 5 nhà C Tỉnh ủy. Cán bộ Bắc Kạn chuyển về chưa bố trí đủ sẽ bố trí tại Nhà 6 tầng Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh cũ. Sau khi nhà 7 tầng Tỉnh ủy hoàn thành sẽ chuyển về sử dụng tầng 5 và thêm khoảng 8 phòng tầng 4 nhà C Tỉnh ủy			Cán bộ các Ban Đảng và Đảng ủy các cơ quan Đảng từ Bắc Kạn chuyển về bố trí tạm thời tại tầng 1,2,3 nhà 6 tầng Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh
1.4	Ủy Ban kiểm tra Tỉnh ủy	25	Tầng 4, nhà C Tỉnh ủy (05 phòng lãnh đạo, 16 phòng cán bộ, 01 phòng họp, 02 kho, 530m2 diện tích làm việc, 115m2 phòng họp và kho)		1.366,0	49	Tiếp tục sử dụng Tầng 4 nhà C Tỉnh ủy. Cán bộ Bắc Kạn chuyển về chưa bố trí đủ sẽ bố trí tại Nhà 6 tầng Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh cũ. Sau khi nhà 7 tầng Tỉnh ủy hoàn thành sẽ chuyển toàn bộ về nhà 7 tầng			Cán bộ các Ban Đảng và Đảng ủy các cơ quan Đảng từ Bắc Kạn chuyển về bố trí tạm thời tại tầng 1,2,3 nhà 6 tầng Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh
1.5	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	30	Tầng 2 nhà C Tỉnh ủy, 23 phòng, diện tích làm việc 530m2		1.366,0	58	Tiếp tục sử dụng Tầng 2 nhà C Tỉnh ủy. Cán bộ Bắc Kạn chuyển về chưa bố trí đủ sẽ bố trí tại Nhà 6 tầng Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh cũ. Sau khi nhà 7 tầng Tỉnh ủy hoàn thành sẽ			Cán bộ các Ban Đảng và Đảng ủy các cơ quan Đảng từ Bắc Kạn chuyển về bố trí tạm thời tại tầng 1,2,3 nhà 6 tầng Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh

Stt	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC, VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC, VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
							chuyển toàn bộ về nhà 7 tầng			
1.6	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	40	Tầng 3 và một phần tầng 1 nhà C Tỉnh ủy (28 phòng làm việc, 01 phòng họp, 01 phòng truyền thống, 02 kho, 01 phòng đọc). Diện tích làm việc 813m2		1.366,0	70	Tiếp tục sử dụng Tầng 3 và một phần tầng 1 nhà C Tỉnh ủy. Cán bộ Bắc Kạn chuyển về chưa bố trí đủ sẽ bố trí tại Nhà 6 tầng Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh cũ. Sau khi nhà 7 tầng tỉnh ủy hoàn thành, sẽ chuyển cán bộ Bắc Kạn về, chuyển cán bộ từ tầng 1 lên tầng 4, sử dụng thêm một phần tầng 4 còn lại của nhà C tỉnh ủy			Cán bộ các Ban Đảng và Đảng ủy các cơ quan Đảng từ Bắc Kạn chuyển về bố trí tạm thời tại tầng 1,2,3 nhà 6 tầng Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh
1.7	Đảng ủy các cơ quan Đảng	12	Một phần Tầng 1 nhà C Tỉnh ủy (07 phòng làm việc, trong đó 01 phòng lãnh đạo; 01 hội trường). Diện tích làm việc 185m2		1.510,0	20	Tiếp tục sử dụng một phần tầng 1 nhà C Tỉnh ủy hiện tại. Cán bộ Bắc Kạn chuyển về chưa bố trí đủ sẽ bố trí tại Nhà 6 tầng Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh cũ. Sau khi nhà 7 tầng hoàn thành, cán bộ Bắc Kạn chuyển về sử dụng thêm các phòng tại tầng 1 nhà C Tỉnh ủy			Cán bộ các Ban Đảng và Đảng ủy các cơ quan Đảng từ Bắc Kạn chuyển về bố trí tạm thời tại tầng 1,2,3 nhà 6 tầng Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh

Stt	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC, VC, NLD (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	CBCC, VC, NLD dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên	85	Tầng 1,2,3,4,5,9 Nhà 9 tầng, số 18 Đường Nha Trang, thành phố Thái Nguyên	12.634,7	15.124,0	163	UBND tỉnh bố trí tại tầng 4,5,6,7,11,12 nhà 12 tầng	13.754,0	22.496,3	Trước mắt sử dụng trụ sở Nhà 9 tầng, khi hoàn thành nhà 12 tầng sẽ chuyển sang trụ sở mới
3	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh	54	Tầng 6,7,8 Nhà 9 tầng, số 18 Đường Nha Trang, thành phố Thái Nguyên			91	Đoàn ĐBQH bố trí tại tầng 10, HĐND tỉnh bố trí tại tầng 8, 9 nhà 12 tầng			
4	Đảng ủy UBND tỉnh	20	Tầng 9 Nhà 9 tầng, số 18 Đường Nha Trang, thành phố Thái Nguyên			28	Đảng ủy UBND tỉnh bố trí tại tầng 3 nhà 12 tầng			
5	Công an bảo vệ UBND tỉnh	20	Nhà 2 tầng, số 18 Đường Nha Trang, thành phố Thái Nguyên			20	Nhà 3 tầng, Câu lạc bộ hưu trí tỉnh đường Nguyễn Du, thành phố Thái Nguyên			
6	Trung tâm thông tin tỉnh	19	Tầng 7 Nhà 7 tầng (Sở Tài chính), đường Nha Trang, thành phố Thái Nguyên			32	Sử dụng một phần tầng 7 nhà 7 tầng (Sở Tài chính) + Nhà 2 tầng công an bảo vệ			
7	Trung tâm Hành chính công tỉnh	12	Tầng 1 Nhà 3 tầng (trụ sở Sở Nội vụ) số 17 đường Đội Cấn, thành phố Thái Nguyên			15	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại			
8	Ban tiếp công dân tỉnh	7	Tổ 13 phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	1.461,0	1.800	9	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại	1.461,0	1.800	

Stt	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC, VC, NLD (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC, VC, NLD dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
II	Khối cơ quan chuyên môn									
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên	67	Trụ sở tại Sở Nông nghiệp cũ + Nhà làm việc huyện ủy Đồng Hỷ (cũ)	14.739,6	3.784,4	93	Sử dụng toàn bộ trụ sở Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Đồng Hỷ cũ	15.341,0	4.784,4	Trước mắt cần cải tạo sửa chữa khối UBND huyện. Bố trí thêm 03 đơn vị trực thuộc cùng trụ sở là Chi cục Bảo vệ môi trường, Trung tâm Quan trắc, Quỹ Bảo vệ môi trường. Trong thời gian tới đề xuất xây dựng trụ sở hợp khối của Văn phòng Sở và tập trung các đơn vị trực thuộc sở đang có trụ sở phân tán tại nhiều vị trí
1.1	Cơ sở 1		Tổ 01, P. Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên (đang sử dụng trụ sở huyện ủy Đồng Hỷ cũ)	9.241,6	2.284,4					
1.2	Cơ sở 2		Tổ 11, P. Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên (trụ sở Sở Nông nghiệp cũ)	5.498,0	1.500,0		Trụ sở tại cơ sở 2 chuyển cho các chi cục, trung tâm thuộc Sở			
2	Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên	71	02 trụ sở tại 350 Hoàng Văn Thụ và Số 2 Nguyễn Du, thành phố Thái Nguyên	13.683,4	5.994,3	103	Nhà 9 tầng tại số 18 đường Nha Trang, thành phố Thái Nguyên (sau khi UBND, HĐND tỉnh chuyển sang nhà 12 tầng)		15.124,0	

Stt	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC, VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC, VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
2.1	Cơ sở 1		Số 350 phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên (trụ sở Sở Giao thông cũ)	3.538,9	4.538,3					Dôi dư sau sắp xếp. Chuyển giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh thực hiện theo quy định
2.2	Cơ sở 2		Số 2 đường Nguyễn Du Phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên (trụ sở Sở Xây dựng cũ)	870,0	2.150,0					Dôi dư sau sắp xếp. Trước mắt bố trí tạm thời sử dụng trụ sở Sở Xây dựng cũ cho Đài phát thanh truyền hình tỉnh. Sau khi cải tạo sửa chữa nhà B và tiếp nhận trụ sở Đảng ủy khối sẽ chuyển về
3	Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên	27	Số 7 đường CMT8, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên	1.470,0	875,0	54	Nhà 9 tầng tại số 18 đường Nha Trang, thành phố Thái Nguyên (sau khi UBND, HĐND tỉnh chuyển sang nhà 12 tầng)			
4	Thanh tra tỉnh Thái Nguyên	41	Trụ sở tại đường Nha Trang, thành phố Thái Nguyên	1.468,8	1.741,5	211	Trụ sở hiện tại + Trụ sở Sở Tư pháp + Trụ sở Thành ủy Thái Nguyên	5.962,8= 1.468,8+ 1.470+ 3.024	6.074= 1.741,5+ 875+ 3.458	
5	Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên	84	Số 16A đường Nha Trang, thành phố Thái Nguyên		7.922,0	132	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại		7.922,0	

Stt	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC, VC, NLD (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC, VC, NLD dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
6	Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên	45	Trụ sở tại số 366/1 đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên	2.945,5	2.100,0	60	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại, cần cải tạo một số diện tích làm việc	2.945,5	2.100,0	
7	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên	47	02 trụ sở tại số 513 đường Lương Ngọc Quyến phường Phan Đình Phùng và số 5 đường Nha Trang phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên	2.810,0	5.825,0	71	Trụ sở mới Thành uỷ, HĐND, UBND thành phố Phổ Yên	38.000,0	21.364,0	
7.1	Cơ sở 1		Trụ sở số 513 đường Lương Ngọc Quyến (trụ sở Sở Khoa học và Công nghệ cũ)	1.394,0	2.648,0					Dôi dư sau sắp xếp. Dự kiến quy hoạch bãi đỗ xe, cây xanh
7.2	Cơ sở 2		Trụ sở số 5 đường Nha Trang (trụ sở Sở Thông tin và Truyền thông cũ). VP sở sử dụng tầng 1,2,3, diện tích 1270,8m2 (1 hội trường, 1 kho, 10 phòng làm việc). Trung tâm công nghệ thông tin sử dụng tầng 4,5 diện tích 1906,2m2 (1 hội trường, 1 kho, 10	1.326,2	3.177,0		Bố trí trụ sở Ban Quản lý Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp			

Stt	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC, VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC, VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
			phòng làm việc, tầng 5 để máy chủ)							
8	Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên	71	Trụ sở tại số 17 đường Đội Cấn phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên	5.468,4	3.223,0	119	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại + trụ sở Bảo hiểm xã hội tỉnh (số 17A đường Đội Cấn)	6.805,0	7.073,0	
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên	53	Trụ sở tại 27 đường Bến Tượng, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên	2.194,3	3.189,0	71	Chuyển trụ sở mới tại xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên			Trụ sở tại 27 đường Bến Tượng bàn giao cho Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh quản lý để bố trí Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sử dụng tạm trong khi chờ xây dựng trụ sở mới.
10	Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên	53	Trụ sở tại số 143 đường Phùng Chí Kiên, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	3.583,0	4.792,0	75	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại	3.583,0	4.792,0	
11	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên	50	Trụ sở tại Ngõ 185, đường Lương Ngọc Quyến, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên	3.390,6	2.710,0	71	Trụ sở hiện tại + Một phần Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh (gần trụ sở hiện tại)	3.390,6	2.710,0	

Stt	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC, VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC, VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
12	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Thái Nguyên	24	Trụ sở tại tầng 2,3 của tòa 5 tầng Ban Quản lý dự án Xây dựng dân dụng và công nghiệp, đường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên		534,0	43	Sử dụng toàn bộ tòa nhà 5 tầng sau khi Ban Quản dự án Xây dựng dân dụng và Công nghiệp chuyển về Sở Thông tin truyền thông cũ	2.406,8	2.212,2	
13	Đài phát thanh truyền hình tỉnh	109		22.660,0	6.047,0	156	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại làm trụ sở chính. Sau khi sáp nhập với cơ quan Báo, dự kiến sử dụng thêm nhà 6 tầng Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh cũ	22.660,0	6.047,0	Do không đủ diện tích làm việc của cán bộ, trước mắt bố trí tạm thời sử dụng trụ sở Sở Xây dựng cũ. Sau khi cải tạo sửa chữa nhà B và tiếp nhận trụ sở Đảng ủy khối sẽ chuyển về
13.1	Trụ sở chính		Trụ sở tại 266 đường Bến Oánh, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên	5.660,0	5.534,0		Cần cải tạo sửa chữa nhà B do xuống cấp	5.660,0	5.534,0	
13.2	Đài phát sóng Núi Tiễn		Tổ 3 phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên	17.000,0	513,0		Tiếp tục sử dụng	17.000,0	513,0	
14	Báo Thái Nguyên	60	Tầng 5, 6 Nhà 6 tầng Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh	2730,2	1.890,0	87	Tiếp tục sử dụng tầng 5,6 nhà 6 tầng Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh cũ	2730,2	2.835,0	Cán bộ Bắc Kạn chuyển về trước mắt bố trí tạm thời sử dụng trụ sở Sở Xây dựng cũ. Sau khi tiếp nhận trụ sở Đảng ủy khối sẽ chuyển về

Stt	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC, VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	CBCC, VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	
15	Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên	41	Trụ sở tại 330/1 đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên	11.120,8	1.860,0	71	Trước mắt sử dụng trụ sở hiện tại. Sau khi xây dựng xong trường Chính trị tỉnh tại vị trí mới (một phần đất Trường Cao đẳng Thái Nguyên) sẽ chuyển sang vị trí mới			Sau khi Trường Chính trị chuyển sang vị trí mới sẽ bàn giao lại cơ sở cũ để phát triển giáo dục (dự kiến xây dựng trường cấp 2)
16	Quỹ phát triển đất tỉnh Thái Nguyên	22	Trụ sở tại số 17 đường Lương Thế Vinh, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên	2.931,0	1.833,9	30	Sử dụng một phần Trụ sở mới của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Phổ Yên			Dôi dư sau sắp xếp. Chuyển giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh thực hiện theo quy định
17	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên (theo Đề án thành lập Trung tâm phát triển quỹ đất của tỉnh)	25	Trung tâm phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trụ sở tại Số 425A, đường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên (tầng 3)		180,0	35	Bố trí tại Trụ sở Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Phổ Yên cũ tại TDP 4, phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên (trụ sở Phòng giáo dục Phổ Yên)	803,8	602,0	Bố trí trong khuôn viên của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Phổ Yên cũ cùng với các đơn vị thuộc phường Phổ Yên, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực III (Phổ Yên), Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Phổ Yên
III	Khối đoàn thể tỉnh									
1	Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh Thái Nguyên	30	Trụ sở Sở Lao động Thương binh và Xã hội cũ, số 2A đường Phù Liễn phường Hoàng Văn Thụ (tầng 1, tầng 2 và	2642,1		220	Sử dụng toàn bộ trụ sở Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Đồng Hỷ hiện nay. Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh Thái Nguyên sau khi	32.573,0	10.300,0	Dôi dư sau sắp xếp. Dự kiến quy hoạch bãi đỗ xe, cây xanh, không gian công cộng

Stt	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC, VC, NLD (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC, VC, NLD dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
			một phần tầng 3 nhà 5 tầng)				hợp nhất các đoàn thể tổng số cán bộ khoảng 220 người. Bố trí cùng trụ sở các Hội: Văn học nghệ thuật; Nhà báo; Chữ thập đỏ tỉnh; Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật; Ủy ban đoàn kết công giáo (5 đơn vị, với 49 người).			
2	Tỉnh đoàn Thái Nguyên	22	Trụ sở tại Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên, đường Thanh niên xung phong		1.860,0					Bố trí trụ sở cho Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Thái Nguyên
3	Hội Cựu chiến binh	9	Tầng 4 Nhà 6 tầng Đảng uỷ khối các cơ quan tỉnh cũ		200,0					
4	Hội Nông dân	23	Trụ sở tại đường Tổ Hữu xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	12.260,0	2420m2					Dôi dư sau sắp xếp. Dự kiến sử dụng làm cơ sở giáo dục
5	Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh Thái Nguyên	22	Trụ sở làm việc Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Trung tâm Dạy nghề nghề 20-10 tại phường Trung Vương (đã bàn giao về thành phố Thái Nguyên, hiện đang sử dụng tạm)							

Stt	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC, VC, NLD (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC, VC, NLD dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
6	Liên Đoàn Lao động tỉnh	48	Trụ sở tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên (Thành đội cũ). Đang sửa chữa cải tạo nhà 5 tầng	3.133,1	2.430,0					Sau khi sắp xếp, dự kiến xây dựng trường THCS cho khu vực phường Phan Đình Phùng (mới). Mở rộng diện tích ra toàn bộ khu đất thành đội cũ (bao gồm cả Trường cao đẳng nghề số 2 và đất dự kiến xây dựng Trung tâm lưu trữ lịch sử của tỉnh), tổng diện tích đất khoảng 8.700m2
IV	Khối các Hội									
A	Các hội quần chúng được Đảng và nhà nước giao nhiệm vụ (13 hội)									
1	Hội Văn học nghệ thuật	10	Tầng 1 tòa nhà 6 tầng Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh cũ (13 phòng)			17	Bố trí cùng trụ sở Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh Thái Nguyên			
2	Hội Nhà báo	7	Tầng 2 tòa nhà 6 tầng Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh cũ (6 phòng)			10				
3	Hội chữ thập đỏ tỉnh	12	Trụ sở tại 307 đường CMT8, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên	496,0	518,0	12				Bố trí trụ sở Đội Quản lý thị trường số 2
4	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	3	Tầng 5 trụ sở Sở Khoa học Công nghệ (số 513 đường Lương Ngọc Quyến,			7				

Stt	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC, VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC, VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
			thành phố Thái Nguyên)							
5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin	2	Tầng 4 tòa nhà 6 tầng Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh cũ (5 phòng)			5	Bố trí tại Trụ sở Ủy ban Mặt trận tổ quốc thành phố Thái Nguyên, khu dân cư số 7 phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên (7 Hội với 41 người). Bố trí cùng trụ sở các Hội quần chúng khác: Hội doanh nhân Cựu chiến binh, Hội sinh vật cảnh; Hội hữu nghị Việt Lào, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và CLB hưu trí tỉnh (5 đơn vị, với 16 người)	1.653	2.268	
6	Hội Bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em	3	Một phần toà nhà 5 tầng Trung tâm bảo trợ xã hội Sở Lao động cũ			7				
7	Hội Cựu thanh niên xung phong	2	Nhà 5 tầng Trung tâm bảo trợ xã hội Sở Lao động, Thương binh và Xã hội cũ (1 phòng)			6				
8	Hội Người cao tuổi	2	Tầng 2 tòa nhà 6 tầng Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh cũ (4 phòng)			5				
9	Hội Người mù	2	Nhà 5 tầng Trung tâm bảo trợ xã hội Sở Lao động, Thương binh và xã hội cũ (1 phòng)			2				
10	Hội Khuyến học	4	Tầng 2 trụ sở Sở Giáo dục và đào tạo (1 phòng)			8				
11	Hội Luật gia	5	Trong trụ sở Sở Tư pháp (01 phòng)			8				

Stt	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC, VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC, VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
12	Liên minh hợp tác xã tỉnh	25	Tổ 7 phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	1.025,0	1.200,0	38	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại	1.025,0	1.200,0	
13	Hội Đông y tỉnh	9	Tổ 13 phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên	505,0	538,6	9	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại	505,0	538,6	
B	Các hội quần chúng khác đã được bố trí trụ sở trong các cơ quan, cần sắp xếp									
1	CLB Hưu trí tỉnh	7	Đường Nguyễn Du, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên (Giáp trụ sở 12 tầng)	1.250,0	1.000,0	7	Bố trí tại Trụ sở Ủy ban Mặt trận tổ quốc thành phố Thái Nguyên, khu dân cư số 7 phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	1.653	2.268	Giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh bố trí trụ sở cho các cơ quan, đơn vị sử dụng theo quy định
2	Hội doanh nhân Cựu chiến binh, Hội sinh vật cảnh	4	Nhà 6 tầng Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh cũ. Hội doanh nhân Cựu chiến binh (tầng 2, 2 người, 2 phòng), Hội sinh vật cảnh (tầng 2, 4 người, 1 phòng),			7				
3	Hội hữu nghị Việt Lào, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	2	Tầng 7 trụ sở Sở Tài chính (Hội hữu nghị Việt Lào 1 phòng, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh 02 phòng)			2				

Stt	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC, VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC, VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
4	Ủy ban đoàn kết công giáo	3	Ủy ban đoàn kết công giáo (tầng 2, 3 người, 2 phòng)			3	Bố trí phòng làm việc cùng Trụ sở Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh			
5	Đoàn Luật sư tỉnh	4	Trong trụ sở Sở Tư pháp (02 phòng)			4	Bố trí phòng làm việc cùng Sở Tư pháp			
6	Hội Cựu giáo chức	2	Tầng 2 trụ sở Sở Giáo dục và đào tạo (1 phòng)			2	Bố trí tại Trung tâm giáo dục thường xuyên thành thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo			
7	Hội Chăn nuôi, thú y	6	Tầng 4 (282m2) trụ sở Chi cục Chăn nuôi thú y và Thủy sản		282,0	6	Chuyển về trụ sở các Chi cục của sở tại Tổ 11, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên			
V	Khối các BQL									
1	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và Ban Công đoàn Khu công nghiệp tỉnh	39	Tổ dân phố Cầu Sắt, phường Bách Quang, TP Sông Công (nhà 3 tầng diện tích 1633m2, nhà 2 tầng diện tích 607m2). GCN số DC 280687, thửa số 9, tờ bản đồ số 35	3.402,7	2.528,0	46+(10-15)	Một phần tại Trụ sở mới của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Phổ Yên	38.000,0	21.364,0	Dôi dư sau sắp xếp. Chuyển giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh thực hiện theo quy định

Stt	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC, VC, NLD (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC, VC, NLD dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
2	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp	93	02 trụ sở tại tổ 15 phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên (1 tòa 05 tầng và 2 tầng của tòa 6 tầng)	1442,5	2.800,0	93	Sử dụng Trụ sở hiện tại + tầng 2,3,4 tòa 6 tầng nhà Đa trung tâm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũ (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường)			
3	Ban Quản lý Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	37	Tầng 4, 5 tòa nhà 5 tầng tại số 666A đường Quang Trung, phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên. Diện tích đang sử dụng khoảng 800m2 sàn	2.406,8	2.212,2	52	Trụ sở Sở Thông tin và truyền thông cũ	1.326,2	3.177,0	

Phụ lục II

Phương án sắp xếp, bố trí trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị trực thuộc các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

(Kèm theo Quyết định số ~~433~~ /QĐ-UBND ngày ~~09~~ /6/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

TT	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC, VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	CBCC, VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	
1	Sở Xây dựng									
1.1	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Thái Nguyên	22	Tổ 1 Phường Tân Lập	2.516,0	2.516,0	22	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại	2.516,0	2.516,0	Sở Xây dựng tỉnh Bắc Kạn không có Trung tâm Đăng kiểm trực thuộc Sở
1.2	Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Thái Nguyên	47	Tòa nhà 6 tầng; Số 11A Đường Phan Đình Phùng, phường Đồng Quang – TPTN	1.014,0	2.400,0	47	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại.	1.014,0	2.400,0	Sở Xây dựng tỉnh Bắc Kạn không có Viện Quy hoạch xây dựng và Trung tâm Kiểm định riêng mà là Trung tâm Quy hoạch Kiểm định xây dựng.
1.3	Viện Quy hoạch Xây dựng Thái Nguyên	34	Số 556/1 đường Bắc Kạn, thành phố Thái Nguyên (gồm 7 tầng trong đó 01 tầng hầm; 01 tầng tum)	243,0	1.120,0	34	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại	243,0	1.120,0	
1.4	Ban quản lý bảo trì và Tư vấn xây dựng giao thông Thái Nguyên	31	Làm việc chung tại Trụ sở Sở Xây dựng; số 350 đường Hoàng Văn Thụ			61	Bố trí sử dụng trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND phường Quang Trung	717,0	1.192,0	
1.5	Trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động tỉnh Thái Nguyên	22				22				

TT	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC , VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC , VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
2	Sở Công Thương									
2.1	Nhà làm việc của cơ quan Văn phòng Chi Cục Quản lý thị trường	29	Số 11 đường Nha Trang, phường Trung Vương, TP Thái Nguyên	1.567,0	1.500,0	39	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại	1.567,0	1.500,0	
2.1.1	Nhà làm việc Đội Quản lý thị trường số 1	11	Số 11 đường Nha Trang, Phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên			11	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại			
2.1.2	Nhà làm việc Đội Quản lý thị trường số 2	16	Số 6, đường Cách Mạng Tháng 8, thành phố Thái Nguyên	660,0	800,0	16	Bố trí trụ sở Hội Chữ thập đỏ tỉnh	496,0	518,0	Dôi dư sau sắp xếp. Chuyển giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh thực hiện theo quy định
2.1.3	Nhà làm việc Đội Quản lý thị trường số 3	12	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình; thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai; thị trấn Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ	3.430,0	596,4	13	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại			
2.1.4	Nhà làm việc Đội Quản lý thị trường số 4	12	Phường Tân Hương, thành phố Phổ Yên; tổ dân phố 1, phường Phổ Cò, thành phố Sông Công	666,6	336,0	12	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại			

TT	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC , VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	CBCC , VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	
2.1.5	Nhà làm việc Đội Quản lý thị trường số 5	13	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại từ; tổ dân phố Trảng Học, thị trấn Đu, huyện Phú Lương; thị trấn Chợ Chu huyện Định Hoá	1.992,0	596,2	13	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại			
2.2	Trung tâm Xúc tiến thương mại	22	Cùng khu đất Sở Công Thương tại số 366/1 đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ	690,0	2.070,0	37	Bố trí tại Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thái Nguyên, khu dân cư số 7 thành phố Thái Nguyên	6.440,0	1.236,0	
2.3	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp	21	Cùng khu đất Sở Công Thương tại số 366/1 đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ	1.854,0	5.535,0	21				
3	Sở Giáo dục và Đào tạo									
3.1	Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Thái Nguyên	40	Tổ 6, phường Hoàng Văn Thụ	4.329,0	1.923,0	65	Tiếp tục sử dụng, một phần sử dụng cho trụ sở Sở Giáo dục và Đào tạo.	4.329,0	1.923,0	
4	Sở Nội vụ									
4.1	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Thái Nguyên	30	Trụ Sở đang thuê tại đường Bắc Sơn			30	Bố trí sử dụng trụ sở của Tỉnh đoàn tại Khu Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên 915			Cần cải tạo sửa chữa để bố trí kho lưu trữ

TT	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC , VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC , VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
4.2	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Thái Nguyên	13	Số 2a, đường Chu Văn An, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên	2.136,0	3.685,0	13	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại	2.136,0	3.685,0	
4.3	Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên	19	Xóm Góc Mít, xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	5.900,0	4.175,0	19	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại	5.900,0	4.175,0	
5	Sở Tài chính									
5.1	Trung tâm Tư vấn và Xúc tiến đầu tư tỉnh Thái Nguyên	15	Số 16A, đường Nha Trang, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên (trong Tòa nhà 7 tầng)			25	Sử dụng trụ sở của Đảng ủy, HĐND, UBND phường Túc Duyên, số 18 đường Túc Duyên	4.483,0	1.092,0	Sử dụng cùng Trung tâm dịch vụ đầu giá tài sản
6	Sở Tư pháp									
6.1	Trung tâm Dịch vụ đầu giá tài sản	21	Trụ sở tại đường Nha Trang thành phố Thái Nguyên (cùng Sở Tư pháp)	548,0	1.200,0	21	Bố trí sử dụng trụ sở phường Túc Duyên cùng Trung tâm Xúc tiến đầu tư tỉnh			
6.2	Trung tâm Trợ giúp pháp lý	23	Trụ sở tại đường Nha Trang thành phố Thái Nguyên (cùng Sở Tư pháp)			23	Bố trí phòng làm việc trong trụ Sở mới của Sở Tư Pháp			

TT	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC , VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	CBCC , VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	
6.3	Phòng Công chứng số 1	10	Trụ sở tại đường Nha Trang thành phố Thái Nguyên (cùng Sở Tư pháp)			10	Bố trí cùng trụ sở với Trung tâm Dịch vụ đầu giá tài sản của Sở Tư pháp			
6.4	Phòng Công chứng số 2	6	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	630,0	450,0	6	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại	630,0	450,0	
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch									
7.1	Thư viện tỉnh	18	Số 29, đường Bến Tượng, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên	4.895,0	1.676,0	23	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại	4.895,0	1.676,0	
7.2	Bảo tàng tỉnh Thái Nguyên (nằm trong khuôn viên đất cùng với Thư viện tỉnh)	23	Số 29, đường Bến Tượng, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên	2.150,0	2.540,0	33	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại	4344,3= 2150 + 2194,3	5729= 2540+3 189	Nghiên cứu xây dựng mới Bảo tàng tỉnh, gắn kết chức năng du lịch, tham quan, thương mại với phố đi bộ
7.3	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch tỉnh Thái Nguyên	15	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	6.110,0	1.201,0	18	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại	6.110,0	1.201,0	
7.4	Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên	79		10.595,0	8.786,0	87		5.595,0	8.786,0	

TT	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC , VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC , VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
	<i>Trung tâm Hội nghị và Văn hóa tỉnh Thái Nguyên (Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật cơ sở 1)</i>		Số 01 Đường Đội Cấn Phường Trưng Vương thành phố Thái Nguyên	4.575,0	7.141,5		Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại			
	<i>Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật (cơ sở 2)</i>		Tổ 25 Phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên	6.020,0	1.644,0		Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại			
7.5	Ban Quản lý khu di tích Lịch sử sinh Thái ATK Định Hóa	35	Thôn Đèo De, xã Phú Đình, huyện Định Hóa	21.886,0	2.912,0	35	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại	21.886,0	2.912,0	
7.6	Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng tỉnh Thái Nguyên	9	Số 21, đường Hùng Vương, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên	4.803,0	1.250,0	49	Chuyển về Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật cơ sở 2 tại tổ 25 phường Phan Đình Phùng. Sau hợp nhất thành Trung tâm văn hóa tỉnh			Dôi dư sau sắp xếp. Chuyển giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh thực hiện theo quy định
7.7	Trường Phổ thông năng khiếu thể dục thể thao	32	Sử dụng tạm tại nhà K2 trường Cao đẳng Thái Nguyên, tổ 8 phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên			32	Trụ sở mới tại trung tâm thể thao tại xã Phúc Triu, thành phố Thái Nguyên			

TT	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC, VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	CBCC, VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	
7.8	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao	40	Sử dụng tạm tại nhà K2 trường Cao đẳng Thái Nguyên, tổ 8 phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên	16.230,0	7.651,0	56	Trụ sở mới tại trung tâm thể thao tại xã Phúc Trù, thành phố Thái Nguyên	16.230,0		
8	Sở Nông nghiệp và Môi trường									
8.1	Chi cục Kiểm lâm (Trụ sở chính của Chi cục gồm Văn phòng đội Kiểm lâm cơ động, Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng)	58	Số 210 đường Bắc Kạn, Tổ 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên	3.632,0	2.073,0	98	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại	3.632,0	2.073,0	Bố trí chi nhánh tại Bắc Kạn (sử dụng trụ sở hiện tại ở Bắc Kạn); các đội Kiểm lâm ở địa bàn do đơn vị tự sắp xếp
8.1.1	Cơ sở Hoá Trung		Xã Hóa Trung, huyện Đồng Hỷ	204,0	132,0		Bố trí vị trí mới hoặc sắp xếp lại tổ chức			Thuộc quy hoạch giải toả đất thực hiện dự án Đường vành đai I (đoạn Bờ Đậu, Phú Lương - Hóa Thượng, Đồng Hỷ) theo TB số 146/TB-UBND ngày 15/10/2024 của UBND huyện Đồng Hỷ
8.1.2	Cơ sở Sơn Cẩm		Xóm 7, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương	730,0	280,0		Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại			

TT	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC , VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC , VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
8.1.3	Hạt Kiểm lâm thành phố Thái Nguyên - Sông Công			877,4	488,0					
8.1.3.1	Trụ sở thành phố Thái Nguyên		Phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên	578,4	318,0		Bố trí vị trí mới hoặc sắp xếp lại tổ chức			Tạm giao Báo nhân dân, Văn phòng Thông tấn xã Việt Nam quản lý, sử dụng
8.1.3.2	Trụ sở thành phố Sông Công		Phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công	300,0	170,0		Tiếp tục sử dụng			
8.1.4	Hạt kiểm lâm huyện Phú Bình			675,0	483,0		Tiếp tục sử dụng			
8.1.5	Hạt kiểm lâm thành phố Phổ Yên			2.938,0	1.219,3					
8.1.5.1	Văn phòng hạt		Phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên	809,0	514,0		Tiếp tục sử dụng			
8.1.5.2	Trạm kiểm lâm Đa Phúc		Xã Thuận Thành, thành phố Phổ Yên	1.879,0	660,0		Tiếp tục sử dụng			
8.1.5.3	Trạm kiểm lâm Phúc Thuận		Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	250,0	44,8		Tiếp tục sử dụng			
8.1.6	Hạt Kiểm lâm huyện Phú Lương			1.004,8	617,0					

TT	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC , VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC , VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
8.1.6.1	Văn phòng Hạt		Tổ dân phố Cầu Lân, Thị trấn Đu, huyện Phú Lương	600,0	450,0		Tiếp tục sử dụng			
8.1.6.2	Trạm Kiểm lâm Yên Đỗ		Xã Yên Đỗ, huyện Phú Lương	270,0	83,0		Tiếp tục sử dụng			
8.1.6.3	Trạm Kiểm lâm Giang Tiên		Thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương	134,8	83,0		Tiếp tục sử dụng			
8.1.7	Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Hỷ									
8.1.7.1	Trụ sở văn phòng Hạt (Hoá Thượng)		Xóm Gò Cao, xã Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ	3.430	789,0		Tiếp tục sử dụng			
8.1.7.2	Trụ sở văn phòng Hạt (TT Chùa Hang)		Thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ	1.828,0	735,0		Tiếp tục sử dụng			
8.1.7.3	Trạm Kiểm lâm Sông Cầu		Xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ	1.960,0	190,0		Tiếp tục sử dụng			
8.1.7.4	Trạm Kiểm lâm Hoà Bình		Xã Hoà Bình, huyện Đồng Hỷ	175,0	66,0		Tiếp tục sử dụng			
8.1.7.5	Trạm Kiểm lâm Khe Mo		Xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ	236,3	160,0		Tiếp tục sử dụng			
8.1.7.6	Trạm kiểm lâm Hợp Tiến		Xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ	140,0	41,0		Tiếp tục sử dụng			

TT	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC , VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC , VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
8.1.8	Hạt Kiểm lâm huyện Đại Từ			2.549,0	833,0					
8.1.8.1	Nhà Trạm Kiểm lâm Bản Ngoại		Xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ	303,0	80,0		Tiếp tục sử dụng			
8.1.8.2	Nhà Trạm Kiểm lâm Quân Chu		Xã Quân Chu, huyện Đại Từ	270,0	60,0		Tiếp tục sử dụng			
8.1.8.3	Trụ Sở Hạt Kiểm lâm Đại Từ		Thị trấn Hùng Sơn, Đại Từ	1.976,0	693,0		Tiếp tục sử dụng			
8.1.9	Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai			3.490,9	1.846,0					
8.1.9.1	Trụ sở Văn phòng Hạt KL Võ Nhai		Xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai	2.446,0	1.230,0		Tiếp tục sử dụng			
8.1.9.2	Trạm Kiểm lâm Cúc Đường		Xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai	550,0	308,0		Tiếp tục sử dụng			
8.1.9.3	Trạm Kiểm lâm La Hiên		Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	130,4	105,0		Tiếp tục sử dụng			
8.1.9.4	Trạm Kiểm lâm Tràng Xá		Xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai	138,7	89,0		Tiếp tục sử dụng			
8.1.9.5	Trạm Kiểm lâm Đình Cả		Thị trấn Đình Cả huyện Võ Nhai	225,8	114,0		Tiếp tục sử dụng			
8.1.10	Ban Quản lý rừng ATK Định Hóa			15.047,1	1.584,4		Tiếp tục sử dụng			
8.1.10.1	Nhà Trạm			11.451,0	343,0					

TT	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC , VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC , VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
-	Nhà Văn phòng Đội 3 (BQLR Phòng hộ cũ)		xã Bảo Linh, Định Hoá		63,5		Tiếp tục sử dụng			
-	Nhà Trạm Khuân Nhà (BQLR Phòng hộ cũ)		Xã Quy Kỳ, huyện Định Hoá		63,5		Tiếp tục sử dụng			
-	Nhà Trạm BVR Xã Kim Sơn (Dự án 611)		Xã Quy Kỳ, huyện Định Hoá	11.451,0	160,0		Tiếp tục sử dụng			
-	Nhà Trạm Đèo So (Ban Quản lý rừng Phòng hộ cũ)		Xã Quy Kỳ, huyện Định Hoá		56,0		Tiếp tục sử dụng			
8.1.10.2	Trụ sở Văn phòng Ban Quản lý rừng ATK		Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa	2.641,1	895,0		Tiếp tục sử dụng			
8.1.10.3	Trạm Kiểm lâm Bình Yên			375,0	250,0		Tiếp tục sử dụng			
-	Nhà Trạm BVR xã Phú Đình (Dự án 611)		Xã Phú Đình, huyện Định Hoá		160,0		Tiếp tục sử dụng			
-	Nhà Trạm Kiểm lâm Phú Đình (Bình Yên)		Xã Bình Yên, huyện Định Hoá	375,0	90,0		Tiếp tục sử dụng			

TT	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC , VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC , VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
8.1.10.4	Trạm Kiểm lâm Quán Vuông		Xã Trung Hội, huyện Định Hoá	580,0	96,4		Tiếp tục sử dụng			
8.2	Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	22	Số 134, Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên	585,0	971,0	32	Chuyển về trụ sở các Chi cục của sở (nhà 7 tầng đang xây dựng) tại Tổ 11, phường Hoàng Văn Thụ			Dôi dư do sắp xếp. Chuyển giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh quản lý theo quy định
8.3	Chi cục Thủy lợi và Phòng Chống, thiên tai (Văn phòng Chi cục)	30		5.643,0	5.470,0	36	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại	5.643,0	5.470,0	
8.3.1	Trụ sở Văn phòng Chi cục		Số 11A, ngõ 566 đường Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên	3.066,0	446,0		Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại			
8.3.2	Hạt Quản lý đô thành phố Thái Nguyên		Tổ 3, phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên	676,0	155,0		Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại			
8.3.3	Hạt Quản lý đô Hà Châu		Xóm Mới, xã Hà Châu, huyện Phú Bình	900,0	167,0		Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại			
8.3.4	Hạt Quản lý đô Phổ Yên		Tổ dân phố Việt Trà, phường Đông Cao, thành phố Phổ Yên	1.001,7	1.034,5		Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại			
8.4	Chi cục Chăn nuôi thú y và Thủy sản	40				53				

TT	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC, VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC, VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
	Trung tâm chẩn đoán xét nghiệm và điều trị bệnh động vật (đơn vị trực thuộc Chi cục)	16	Trong khối trụ sở tại số 425A đường Phan Đình Phùng (gần UBND phường Phan Đình Phùng)	2.517,0	1.305,0	16	Chuyển về cơ sở khu nuôi nhốt cách ly kiểm dịch động vật tại Xóm Công Đồng, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương			
	Nhà làm việc 1 (Văn phòng chi cục)	24	Số 726 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên (gần cầu Xuân Thịnh)	1.005,9	470,0	37	Chuyển về trụ sở các Chi cục của sở (nhà 7 tầng đang xây dựng) tại Tổ 11, phường Hoàng Văn Thụ			
	Nhà làm việc 2 (Văn phòng Chi cục)				300,0					
	Khu nuôi nhốt, cách ly kiểm dịch động vật		Xóm Công Đồng, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương	27.298,8	324,9		Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại	27.298,8	324,9	
8.5	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	21	Số 728 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên (gần cầu Xuân Thịnh)	1.493,0	1.020,0	29	Chuyển về trụ sở các Chi cục của sở (nhà 7 tầng đang xây dựng) tại Tổ 11, phường Hoàng Văn Thụ			
8.6	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản	30	02 cơ sở	450,0	1.523,0	34				

TT	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC , VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	CBCC , VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	
8.6.1	Cơ sở 1: Văn phòng Chi cục	14	Tổ 15 Phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên (giáp phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên)	450,0	750,0		Chuyển về trụ sở các Chi cục của sở (nhà 7 tầng đang xây dựng) tại Tổ 11, phường Hoàng Văn Thụ			
8.6.2	Cơ sở 2: Trung tâm dịch vụ kỹ thuật và huấn luyện chất lượng Nông lâm sản Thủy sản (tầng 6, tòa nhà Trụ sở Liên cơ quan)	18	Tầng 6, tòa nhà Trụ sở Liên cơ quan Sở Nông nghiệp và Môi trường		773,0		Chuyển về trụ sở các Chi cục của sở (nhà 7 tầng đang xây dựng) tại Tổ 11, phường Hoàng Văn Thụ			
8.7	Ban Quản lý rừng đặc dụng và phòng hộ									
8.7.1	Trụ sở chính Ban	37	Xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai	4.062,0	1.872,0	37	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại			
8.7.2	Trụ sở khác đang quản lý						Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại			
8.7.2.1	Nhà trạm Nghinh Tường		Xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai	1.407,7	156,0		Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại			
8.7.2.2	Nhà trạm Vũ Chấn		Xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	834,2	255,6		Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại			

TT	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC, VC, NLD (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	CBCC, VC, NLD dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	
8.7.2.3	Nhà trạm Sảng Mộc		Xã Sảng Mộc, huyện Võ Nhai	1.017,2	168,0		Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại			
8.7.2.4	Nhà trạm Kim Sơn		Xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	717,1	166,0		Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại			
8.7.2.5	Nhà trạm Ngọc Sơn II		Xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	402,0	120,0		Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại			
8.7.2.6	Trụ sở các đơn vị trực thuộc: Trạm bảo vệ rừng số 3		Xã Phúc Triu, thành phố Thái Nguyên	1.200,0	960,0		Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại			
8.7.2.7	Nhà trạm Phúc Tân		Xã Phúc Tân, thị xã Phổ Yên	600,0	120,0		Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại			
8.8	Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn	25	Số 2, đường Chu Văn An, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên	1.909,0	1.880,0	33	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại	1.909,0	1.880,0	
8.9	Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi và Thủy sản	25	Số 8, đường Xuân Hòa, Phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên	3.917,0	1.780,0	65	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại.	3.917,0	1.780,0	Sáp nhập với Trung tâm Khuyến nông và Môi trường
8.10	Trung tâm Khuyến nông	36					Tổ chức lại Trung tâm Khuyến nông và Môi trường.			
	- Trụ sở 1	27	Tầng 5, tòa nhà Trụ sở Liên cơ quan; Tổ 15,	3.518,0	737,0		Chuyển về trụ sở các Chi cục của sở (nhà 7 tầng đang xây dựng)	2.436,0	1.188,0	

TT	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC, VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	CBCC, VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	
			phường Phan Đình Phùng				tại Tổ 11, phường Hoàng Văn Thụ			
	- Trụ sở 2	9	Trụ sở làm việc tại Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thành phố Thái Nguyên (trước đây) tại Tổ 11 phường Gia Sàng	488,0	250,0		Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại	488,0	250,0	
8.11	Chi cục Bảo vệ môi trường	12	Số 425A, đường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên (tổng diện tích sàn 2.626,0m ²)	2.525,0	1.546,0	20	Chuyển về cùng văn phòng Sở tại trụ sở Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Đồng Hỷ cũ			
8.12	Quỹ Bảo vệ môi trường	14				19	Về cùng văn phòng Sở tại trụ sở Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Đồng Hỷ cũ			
8.13	Trung tâm quan trắc	50			1.080,0	59	Về cùng văn phòng Sở tại trụ sở Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Đồng Hỷ cũ			

TT	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC , VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC , VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
8.14	Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và Môi trường	69	Số 16, đường Phùng Chí Kiên, tổ 5, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên	1.424,0	2.496,0	88	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại	1.424,0	2.496,0	
8.15	Văn phòng Đăng ký đất đai (trụ sở chính)	68	Tổ 20, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên (nhà 5 tầng gần hồ Xương Rồng 2)	998,0	1.638,0	76	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại	998,0	1.638,0	
8.15.1	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Phổ Yên	27	Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên			27	Bố trí một phần Trụ sở Thành ủy, HĐND, UBND thành Phố Yên cũ (Nhà truyền thống)		658,0	
8.15.2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Thái Nguyên	57	Số 10 đường Nguyễn Du, thành phố Thái Nguyên			57	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên	2.638,0	1.380,0	

TT	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC , VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC , VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
8.15.3	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Sông Công	12	Số 2 đường Trần Phú, phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công			12	Trụ sở Đảng ủy, HÒND, UBND phường Cải Đan cũ, thành phố Sông Công (trụ sở Trung tâm quỹ đất thành phố Sông Công)	1.392	8.36	
8.15.4	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đại Từ	24	Trụ sở tại đường Thanh Niên, thị trấn Đại Từ			24	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại + Nhà tiếp dân và làm việc cơ quan huyện Đại Từ			
8.15.5	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Phú Bình	19	Tổ 2 thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình			19	Trụ sở Đảng ủy, HÒND, UBND thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3.267,0	930,0	
8.15.6	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Phú Lương	12	Tổ dân phố Thái An, thị trấn Đu, huyện Phú Lương			12	Trụ sở Đảng ủy, HÒND, UBND thị trấn Giang Tiên (xã Phần Mễ hiện tại), huyện Phú Lương	4665,9	1.341,1	
8.15.7	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đồng Hỷ	17	Thị trấn Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên			17	Trụ sở Đảng ủy, HÒND, UBND xã Hóa Trung, huyện Đồng Hỷ	3.766,0	735,0	
8.15.8	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Định Hóa	10	TDP Tân Lập, thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa (200m2 sàn XD)			10	Bố trí trụ sở Đảng ủy, HÒND, UBND thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa	2.123,0	585,0	

TT	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC, VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC, VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
8.15.9	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Võ Nhai	10	Tổ dân phố Tiên Phong, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai			10	Bố trí trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	1.830,0	906,0	
9	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh									
9.1	Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực I (sáp nhập và tổ chức lại Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Thái Nguyên, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phú Lương, Ban Bồi thường GPMB huyện Định Hoá)		Sáp nhập và tổ chức lại Trung tâm Phát triển quỹ đất Thái Nguyên, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phú Lương, Ban Bồi thường GPMB huyện Định Hoá			80	Sử dụng trụ sở Ban quản lý dự án thành phố Thái Nguyên (Trụ sở khối Hành chính sự nghiệp thành phố)	1.799,5	4.237,0	Địa bàn hoạt động (17 phường, xã): Phường Phan Đình Phùng; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quyết Thắng; phường Quan Triều; xã Phú Lương; xã Vô Tranh; xã Yên Trách; xã Hợp Thành; xã Định Hoá; xã Bình Yên; xã Trung Hội; xã Phượng Tiến; xã Phú Đình; xã Bình Thành; xã Kim Phượng; xã Lam Vỹ

TT	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC, VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC, VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
9.2	Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II (trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Sông Công và Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đại Từ)		Tổ chức lại Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Sông Công và Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đại Từ			50	Bố trí sử dụng trụ sở Ủy ban Mặt trận tổ quốc huyện Đại Từ	1.325	1.350	Địa bàn hoạt động (14 phường, xã): Xã Tân Cương, xã Đại Phúc; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; xã Đại Từ; xã Đức Lương; xã Phú Thịnh; xã La Bằng; xã Phú Lạc; xã An Khánh; xã Quân Chu; xã Vạn Phú; xã Phú Xuyên
9.3	Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực III (tổ chức lại Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Phổ Yên)		Tổ chức lại Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Phổ Yên)			50	Bố trí một phần tại Trụ sở Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Phổ Yên (Trung tâm phát triển quỹ đất Phổ Yên hiện tại)		1.485,0	Địa bàn hoạt động (05 phường, xã): Phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Phúc Thuận; xã Thành Công
9.4	Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực IV (tổ chức lại Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phú Bình)		Tổ chức lại Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phú Bình			50	Bố trí sử dụng trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Phú Bình		1.113,0	Địa bàn hoạt động (05 xã): Xã Phú Bình; xã Tân Thành; xã Diêm Thụy; xã Kha Sơn; xã Tân Khánh

TT	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC, VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	CBCC, VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	
9.5	Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực V (tổ chức lại Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đồng Hỷ)		Tổ chức lại Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đồng Hỷ			30	Bố trí sử dụng Trụ sở đảng ủy, HĐND, UBND xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	6.616,0	1.131,0	Địa bàn hoạt động (14 phường, xã): Phường Linh Sơn; xã Đồng Hỷ; xã Quang Sơn; xã Trại Cau; xã Nam Hoà; xã Văn Hán; xã Văn Lăng; xã Võ Nhai; xã Dân Tiến; xã Nghinh Tường; xã Thần Xa; xã La Hiên; xã Trảng Xá; xã Sảng Mộc.
10	Sở Y Tế									
10.1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	162	Số 971 đường Dương Tự Minh, phường Hoàng Văn thụ, thành phố Thái Nguyên	5.165,0	8.259,0	218	Tiếp tục sử dụng	5.165,0	8.259,0	
10.2	Trung tâm Kiểm soát dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm và thiết bị y tế	35	Tổ 7, Phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên	9.621,5	10.132,0	38	Tiếp tục sử dụng	9.621,5	10.132,0	
10.3	Trung tâm Giám định y khoa	19	Trong Bệnh Viện A			20	Tiếp tục sử dụng			
10.4	Trung tâm Pháp y	23	Tổ 11 phường Thịnh Đán thành phố Thái Nguyên	1.474,0	2.421,0	23	Tiếp tục sử dụng	1.474,0	2.421,0	

TT	Tên cơ quan	Trụ sở hiện tại				Phương án sau sáp nhập				Ghi chú
		CBCC , VC, NLĐ (người)	Trụ sở hiện tại	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	CBCC , VC, NLĐ dự kiến (người)	Phương án bố trí trụ sở	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	
11	Sở Khoa học và Công nghệ									
11.1	Trung tâm Phát triển Khoa học và Công Nghệ	17	Tổ 23 P. Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên	2.372,0	1.679,0	29	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại	2.372,0	1.679,0	
11.2	Trung tâm công nghệ thông tin và Truyền thông	30	Số 5 đường Nha Trang phường Trưng Vương (cùng trụ sở 2 của Sở Khoa học và Công nghệ). Sử dụng tầng 4,5 tòa nhà		1.906,2	45	Sử dụng theo Trụ sở Văn Phòng Sở KH&CN tại Trụ sở mới Thành uỷ, HĐND, UBND thành phố Phổ Yên			
12	Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh									
-	Trung tâm trợ giúp người lao động tỉnh (trực thuộc Liên đoàn lao động tỉnh)	15	Nhà Văn hoá lao động tỉnh Thái Nguyên, Phường Thăng Lợi, thành phố Sông Công	22.921,0	5.810,0	15	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại	22.921,0	5.810,0	
13	Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Thái Nguyên									
-	Trung tâm Dịch vụ Khu công nghiệp Thái Nguyên	13	Tại trụ sở Nhà điều hành Khu công nghiệp Diềm Thụy (Khu A), 3 tầng	2.348,0	1.830,0	13	Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện tại			



Phụ lục III
Phương án chuyển giao/điều chuyển trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị cấp huyện
khí thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp
(Kèm theo Quyết định số ~~002~~ /QĐ-UBND ngày ~~09~~ /6/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN			
1	Thành ủy Thái Nguyên/ Số 17, Đường Nha Trang, Thành phố Thái Nguyên	3.024,0	3.458,0	Bố trí trụ sở Thanh tra tỉnh
2	Văn phòng UBND-HĐND thành phố Thái Nguyên tại Số 10, đường Nguyễn Du, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên	4.676,0	9.930,0	Bố trí trụ sở Phường Phan Đình Phùng
3	Trụ sở Câu lạc bộ hưu trí Thái Nguyên tại Số 7, đường Nguyễn Du, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên	1.250,0	1.000,0	Bố trí trụ sở công an, bảo vệ UBND tỉnh
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thái Nguyên/ Tổ 11, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	6.440,0	2.880,0	Bố trí trụ sở Trung tâm Xúc tiến thương mại và Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp - Sở Công Thương
5	Trụ sở Ủy ban mặt trận Tổ quốc thành phố (cũ) tại Số 14, đường Cách mạng tháng 8, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên	1.092,6	991,0	Đã được phê duyệt phương án sắp xếp theo hình thức điều chuyển tại Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 03/04/2023 của UBND tỉnh. Hiện nay, UBND thành phố đang phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu thay đổi phương án sắp xếp đã được phê duyệt để giao đất cho Ngân hàng phát triển

STT	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6	Trụ sở Ủy ban Mặt trận tổ quốc thành phố mới tại Tổ 11, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	1.653,0	2.268,0	Bố trí trụ sở các Hội: Nạn nhân chất độc da cam/dioxin; Bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em; Cựu thanh niên xung phong; Người cao tuổi; Người mù; Khuyến học; Luật gia (7 Hội với 41 người). <i>Bố trí cùng trụ sở các Hội quần chúng khác: Hội doanh nhân Cựu chiến binh, Hội sinh vật cảnh; Hội hữu nghị Việt Lào, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và Câu lạc bộ Hữu trí tỉnh (5 đơn vị, với 16 người)</i>
7	Ban Quản lý dự án thành phố Thái Nguyên (Trụ sở khối hành chính sự nghiệp thành phố)	1.799,5	4.237,0	Bố trí trụ sở Trung tâm phát triển quỹ đất Khu vực I
8	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thành phố Thái Nguyên/ Tổ 9, phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên	1.054,0	556,5	Bàn giao cho Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Trung tâm Văn hóa và Truyền thông thành phố Thái Nguyên, tại Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	456,0	456,0	Giao đơn vị cấp xã mới bố trí cho quân sự, giáo dục, y tế ...
10	Trung tâm Văn hóa và Truyền thông thành phố Thái Nguyên tại Khu dân cư số 10, phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên	5.173,0	906,0	Bố trí trụ sở phường Quyết Thắng mới
11	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Cơ sở 1: Tổ 3, phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên	2.776,0	1.028,0	Tiếp tục sử dụng, bố trí cho giáo dục
12	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Cơ sở 2: Tổ 15, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên	1.287,0	1.259,0	Tiếp tục sử dụng, bố trí cho giáo dục

STT	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
13	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, số 195, đường Cách mạng tháng 8, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên	1.421,0	4.011,0	Tiếp tục sử dụng, bố trí cho giáo dục
14	Trung tâm bồi dưỡng chính trị/số 235, đường Cách mạng tháng 8, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên	2.504,0	846,0	Tiếp tục sử dụng cho phường mới
15	Nhà thiếu nhi thành phố Thái Nguyên/số 19, đường Hùng Vương, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên	11.272,0	5.736,0	Tiếp tục sử dụng cho phường mới
16	Cơ sở điều trị nghiện tự nguyện và công tác xã hội tại Tổ 12, phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên	5.348,0	820,0	Bàn giao cho trường mầm non Hương Sơn
17	Đội thuế Sơn Cẩm	132,0	65,0	UBND tỉnh đã giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố theo Công văn số 7807/UBND-KT ngày 27/12/2024; Công văn số 5440/STC-HCSN ngày 25/12/2024 của Sở Tài chính
18	Đội thuế Đồng Bầm		43,0	
19	Đội thuế Hương Sơn	240,0	88,0	
20	Đội thuế Phúc Xuân	200,0		
21	Bệnh viện chỉnh hình và phục hồi chức năng Thái Nguyên	20.208,0	3.294,0	UBND tỉnh đã có Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 28/2/2025 giao trụ sở cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố quản lý, xử lý

STT	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
22	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (trước đây) tại Phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên	315,0	230,0	UBND tỉnh đã có Quyết định số 2723/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 về việc điều chuyển trung tâm DS-KHHGĐ về UBND thành phố quản lý, sử dụng; đề nghị chuyển giao Trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện theo quy định
23	Trạm Chăn nuôi và Thú y Đồng Hỷ cũ tại Phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên	421,0	72,0	UBND tỉnh đã có Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 về việc điều chuyển trạm chăn nuôi thú y về UBND thành phố quản lý, sử dụng; chuyển giao Trung tâm Phát triển quỹ đất thực hiện theo quy định
24	Trụ sở làm việc cũ của Trung tâm dạy nghề huyện Đồng Hỷ tại Phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên	4.641,0	2.009,0	UBND tỉnh đã có QĐ số 1400/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý đối với 4 cơ sở nhà, đất theo hình thức thu hồi. Tiếp tục thực hiện theo phương án được phê duyệt
25	Trụ sở làm việc cũ của Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện Đồng Hỷ tại Phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên	6.948,0	2.091,0	
26	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Đồng Hỷ tại Phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên		258,0	
27	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đồng Hỷ tại Phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên	2.017,0	800,0	
II	HUYỆN ĐẠI TỪ			

STT	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Huyện ủy Đại Từ tại Phố Đình, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	3.761	1.820,0	Bố trí làm cơ sở trường học liên cấp chất lượng cao do liên trong khuôn viên trụ sở HĐND&UBND
2	UBND huyện Đại Từ tại Phố Đình, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	18.912,2	8.286,3	Điều chuyển cho tỉnh, bố trí trường học; Bố trí trung tâm hành chính công xã Đại Phúc
3	Trung tâm chính trị huyện Đại Từ tại Tổ dân phố Cầu Thông, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	7.063,0	622,0	Tiếp tục sử dụng cho giáo dục
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo Đại Từ tại Tổ dân phố Cầu Thông, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	2.967,0	875,2	Bố trí trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ
5	Trung tâm văn hóa - TT&TT huyện Đại Từ, tại Tổ dân phố Tân Sơn, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	12.681,1	6.500,3	Bố trí trụ sở văn hoá của xã Đại Phúc
6	Ban Quản lý vệ sinh môi trường đô thị huyện Đại Từ, tại Tổ dân phố Đình, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	1.475,2	239,0	Bàn giao cho Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Mặt trận Tổ quốc huyện Đại Từ, Tổ dân phố Trung Hòa, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	1.325,0	1.350,0	Bố trí cho Chi nhánh Trung tâm quỹ đất khu vực II
8	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Đại Từ, tại xóm Đồng Mạc, xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	5.308,0	1.364,5	Tiếp tục sử dụng cho giáo dục
III	THÀNH PHỐ PHỔ YÊN			

STT	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Thành uỷ Phố Yên, tại Tổ dân phố 4, phường Ba Hàng, thành phố Phố Yên	7.327,68	3.031,0	Bố trí trụ sở làm việc chính Phường Phố Yên
2	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Phố Yên tại Tổ dân phố 4, phường Ba Hàng, thành phố Phố Yên		1.417,9	Bố trí trụ sở làm việc Phường Phố Yên
	Nhà truyền thống	UBND thành phố Phố Yên	1.974,0	Bố trí Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Phố Yên
3	Phòng Y tế (cũ) thuộc Văn phòng HĐND-UBND thành phố Phố Yên	UBND thành phố Phố Yên	60,0	Bố trí cho giáo dục, y tế hoặc chức năng khác
4	Trụ sở làm việc Phòng Tài Nguyên & Môi trường; Phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị tại khuôn viên UBND thành phố Phố Yên	UBND thành phố Phố Yên	339,9	Bố trí trụ sở làm việc Phường Phố Yên
5	Đội Quản lý trật tự xây dựng và giao thông thành phố Phố Yên tại Tổ dân phố 2, phường Ba hàng, thành phố Phố Yên	UBND thành phố Phố Yên	100,0	Bố trí cho giáo dục, y tế hoặc chức năng khác
6	Trụ sở Phòng Giáo dục và Đào tạo tại Tổ dân phố 4, phường Ba Hàng, thành phố Phố Yên	803,8	803,8	Bố trí cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên
7	Phòng Nội vụ tại khuôn viên trụ sở UBND thành phố Phố Yên	UBND thành phố Phố Yên	482,0	Bố trí trụ sở làm việc Phường Phố Yên
8	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thành phố Phố Yên	3.298,0	349,0	Bàn giao cho Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên Phố Yên tại phường Đồng Tiến, thành phố Phố Yên	3.095,0	1.128,4	Tiếp tục sử dụng cho giáo dục

STT	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
10	Trung tâm văn hoá Thông tin và truyền thông			
10.1	Nhà tập luyện và thi đấu thể thao tại phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	4.335,7	1.805,2	Bố trí cho giáo dục, y tế hoặc chức năng khác
10.2	Cung Văn hóa nhà hát tại Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	30.700,0	5.777,0	Tiếp tục sử dụng cho phường mới
11	Trụ sở Trung tâm chính trị tại Tổ dân phố 4, phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	2.155,0	860,0	Tiếp tục sử dụng cho giáo dục
12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	430,0	896,6	Bố trí Trụ sở làm việc Phường Phổ Yên
13	Trụ sở làm việc cũ Viện Kiểm Sát tại phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	500,0	272,0	Bố trí cho giáo dục, y tế hoặc chức năng khác
14	Phòng Thanh tra thành phố tại phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	117,0	234,0	Bố trí cho giáo dục, y tế hoặc chức năng khác
15	Trụ sở làm việc cũ Kho bạc Nhà nước tại Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	827,0	479,0	Bố trí cho giáo dục, y tế hoặc chức năng khác
16	Trụ sở làm việc Ngân hàng chính sách cũ tại phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	1.749,5	372,0	Bố trí cho giáo dục, y tế hoặc chức năng khác

STT	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
17	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố Phố Yên tại phường Ba Hàng, TP. Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên	408,0	1.224,0	Bố trí trụ sở làm việc Phường Phố Yên
18	Ban Quản lý Môi trường và Đô thị thành phố Phố Yên	83,0	83,0	Tiếp tục sử dụng
19	Hội Chữ thập đỏ	84,0	84,0	Bố trí cho giáo dục, y tế hoặc chức năng khác
20	Ban chỉ huy quân sự (cũ) tại phường Ba Hàng, thành phố Phố Yên	3.741,9	3.231,0	Bố trí trụ sở Chi nhánh trung tâm phát triển quỹ đất Khu vực III
21	Trụ sở Đảng uỷ, HĐND, UBND thành phố Phố Yên (trụ sở mới đang xây dựng tại phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên)	38.000,0	21.364,0	Một phần bố trí trụ sở phường Vạn Xuân mới, một phần bố trí trụ sở các cơ quan, đơn vị của tỉnh theo đề án sắp xếp, sử dụng trụ sở
IV	HUYỆN PHÚ BÌNH			
1	Huyện Ủy tại Tổ dân phố số 2, thị trấn Hương Sơn	5.512,0	1.605,0	Sử dụng làm trụ sở các cơ quan đơn vị hành chính xã Phú Bình
2	UBND huyện Phú Bình			
2.1	Khuôn viên trụ sở chính: Trụ sở làm việc HĐND&UBND, các cơ quan chuyên môn, phòng Tài chính - Kế hoạch, Trung tâm Chính trị tại Tổ dân phố số 2, thị trấn Hương Sơn	13.318,0	5.859,0	Bố trí trụ sở của xã Phú Bình.
2.2	Trụ sở Kho bạc Nhà nước cũ (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đang sử dụng) tại Tổ dân phố số 2, thị trấn Hương Sơn	748,0	755,0	Bố trí bộ phận một cửa xã Phú Bình

STT	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2.3	Cơ sở nhà, đất Bảo hiểm xã hội cũ (Đội Thống kê số 3 đang sử dụng) tại Tổ dân phố số 2, thị trấn Hương Sơn	388,0	338,0	Bố trí cho giáo dục, y tế hoặc chức năng khác
2.4	Trung tâm Kế hoạch hóa gia đình cũ (Trung tâm phát triển quỹ đất đang sử dụng)	507,0	507,0	Bố trí cho giáo dục, y tế hoặc chức năng khác
2.5	Trạm trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Quỹ tìm trung ương hội LHPN VN đang sử dụng) tại Cầu Mây	705,1	237,0	Bố trí cho giáo dục, y tế hoặc chức năng khác
2.6	Trụ sở phòng Giáo dục và đào tạo tại Tổ dân phố số 2, thị trấn Hương Sơn	1.164,0	1.023,5	Bố trí trụ sở Ban quản lý dự án xã Phú Bình
3	MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội	1.113,0	1.113,0	Trụ sở chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực IV
4	Trung tâm Môi trường và dịch vụ đô thị, thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	6.662,0	205,0	Tiếp tục làm trung tâm dịch vụ Môi trường xã Phú Bình
5	Trung tâm Văn hoá Thể thao-Truyền thông, thị trấn Hương Sơn huyện Phú Bình	23.420,8	5.274,0	Tiếp tục sử dụng làm trung tâm văn hóa thể thao của xã Phú Bình
6	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên huyện Phú Bình			
6.1	Cơ sở 1 - Trụ sở chính, Tổ dân phố Đình cả 2, thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình.	8.052,0	3.617,5	Tiếp tục sử dụng, bàn giao cho giáo dục

STT	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6.2	Cơ sở 2 - Xóm Tân Sơn 9, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	5.937,0	1.601,0	Thực hiện dự án khu dân cư số 2 xã Xuân Phương theo quy hoạch
6.3	Cơ sở 3 - Tổ 4, thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	2.645,1	1.213,0	
V	HUYỆN ĐỒNG HỖ			
1	Nhà làm việc HĐND-UBND huyện Đồng Hỷ	32.573,0	5.150,0	Bố trí trụ sở cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh
2	Nhà làm việc Huyện ủy huyện Đồng Hỷ		5.150,0	Bố trí trụ sở cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh
3	Khối nhà làm việc UBND huyện cũ thuộc phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên (phần chưa bàn giao cho TPTN)	6.141,0	3.001,0	Bố trí trụ sở Sở Nông nghiệp và Môi trường
4	Nhà trạm thuế xã Nam Hòa	120,0	120,0	Bàn giao cho xã Nam Hòa mới sau sáp nhập quản lý, sử dụng làm cơ sở y tế, giáo dục... theo quy định
VI	THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG			
1	Trụ sở Thành ủy tại Phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công	10.000,0	5.655,0	Bố trí trụ sở của Đảng ủy, HĐND-UBND phường Sông Công

STT	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2	Trụ sở HĐND-UBND thành phố tại Phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công	16.091,0	4.204,0	Chuyển đơn vị có nhu cầu sử dụng
3	Trung tâm bồi dưỡng chính trị thành phố Sông Công	Nằm trong khuôn viên đất Trụ sở HĐND-UBND thành phố	764,0	Tiếp tục sử dụng làm Trung tâm bồi dưỡng chính trị
4	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thành phố Sông Công tại phường Bách Quang, thành phố Sông Công	664,0	355,0	Bàn giao Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Trung tâm văn hóa Thể thao và Truyền thông tại phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công	27.800,0	3.238,0	Tiếp tục sử dụng là Trung tâm văn hoá thể thao liên phường
6	Ban Quản lý trật tự xây dựng và giao thông thành phố Sông Công tại phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công	985,0	456,0	Bố trí trụ sở Trung tâm Dịch vụ tổng hợp của phường Sông Công
7	Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Sông Công (UBND phường Lương Châu cũ) tại phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	3.451,0	1.086,0	Bố trí trụ sở làm việc cho phòng, ban phường Bá Xuyên và sử dụng một phần cho Tổ công tác Bồi thường giải phóng mặt bằng (thuộc Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực)
8	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thành phố Sông Công tại phường Cải Đan, thành phố Sông Công	3.329,0	1.899,0	Tiếp tục sử dụng, bố trí cho giáo dục

STT	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
9	Trung tâm thương nghiệp tại Phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công	380,0	347,0	Bố trí trụ sở Trung tâm Dịch vụ tổng hợp của phường Bá Xuyên
VII	HUYỆN PHÚ LƯƠNG			
1	Trụ sở Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện tại thị trấn Đu, huyện Phú Lương	11.088,0	8.825,0	Chuyển đơn vị có nhu cầu sử dụng
2	Trụ sở Phòng Tài chính kế hoạch (cũ) tại thị trấn Đu, huyện Phú Lương	715,0	900,0	Bố trí giáo dục, y tế,...
3	Trụ sở phòng Giáo dục và Đào tạo tại thị trấn Đu, huyện Phú Lương	3.000,0	1.543,0	Bố trí trụ sở cho xã Phú Lương
4	Trụ sở Bảo hiểm xã hội (cũ) (đã có Quyết định giao cho UBND huyện Phú Lương quản lý)	723,0	234	Bố trí giáo dục, y tế,...
5	Trụ sở Trung tâm dân số (cũ) (đã có Quyết định giao cho UBND huyện Phú Lương quản lý)	350,0	250	Bố trí giáo dục, y tế,...
6	Trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân huyện (cũ) (đã có Quyết định giao cho UBND huyện Phú Lương quản lý)	1.068,0	391	Bố trí giáo dục, y tế,...

STT	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
7	Trụ sở Trung tâm Văn hoá thể thao và Truyền thông + Trụ sở Đài Truyền thanh Truyền hình huyện	9.026,0	2.282	Tiếp tục sử dụng cho xã mới
8	Trụ sở Trung tâm chính trị huyện	8.627,0	2.002	Tiếp tục sử dụng cho xã mới
9	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên huyện + Trung tâm dạy nghề (cũ)	12.202,0	2.561	Bố trí giáo dục, y tế,...
VIII	HUYỆN ĐỊNH HOÁ			
1	Huyện ủy Định Hóa, Tổ dân phố Tân Lập, thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa	9.630,0	4.114,7	Bố trí Trụ sở Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể xã Định Hóa
2	Trụ sở MTTQ và các đoàn thể tại Tổ dân phố Hợp Thành, thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá	2.295,0	1.709,4	Bàn giao cho xã Định Hóa quản lý, xử lý theo quy định
3	Văn phòng HDND&UBND tại Tổ dân phố Trung Tâm, thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa			
3.1	Trụ sở làm việc UBND huyện và các phòng ban - Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa	13.110,0	2.367,4	Bố trí trụ sở Khối Chính quyền xã Định Hóa
3.2	Đội thuế xã Bình Yên (Tiếp nhận về năm 2024) - xã Bình Yên, huyện Định Hóa	108,9	70	Bàn giao cho xã Bình Yên quản lý, xử lý theo quy định

STT	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3.3	Đội thuế xã Phú Tiến (Tiếp nhận về năm 2016) - xã Phú Tiến, huyện Định Hóa	292,6	62	Bàn giao cho xã Trung Hội quản lý, xử lý theo quy định
3.4	Trụ sở (cũ) Bảo hiểm xã hội huyện (Tiếp nhận về năm 2022) - thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa	806,7	576	Bàn giao cho xã Định Hóa quản lý, xử lý theo quy định
3.5	Trụ sở (cũ) Chi cục thuế huyện (Tiếp nhận về năm 2018) - thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa	1.556,2	1107	Bàn giao cho xã Định Hóa quản lý, xử lý theo quy định (làm nơi sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tổ dân phố Tân Lập)
4	Phòng giáo dục và đào tạo huyện Định Hóa tại tổ dân phố Hợp Thành, Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên			
4.1	Trụ sở làm việc - Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa	1.370,0	357,8	Bàn giao cho xã Định Hóa quản lý, xử lý theo quy định (làm nơi sinh hoạt cho cộng đồng dân cư TDP Hợp Thành)
4.2	Khu đất hiệu sách - Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa			Bàn giao cho xã Định Hóa quản lý, xử lý theo quy định
5	Trung tâm DVNN huyện			
5.1	Cơ sở hoạt động sự nghiệp (Tiếp nhận từ trạm thú y năm 2019) - Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa	967,5	251,0	Bàn giao cho xã Định Hóa quản lý, xử lý theo quy định (làm cơ sở hoạt động đơn vị sự nghiệp thuộc UBND xã Định Hóa mới)
5.2	Cơ sở hoạt động sự nghiệp (Tiếp nhận từ trạm bảo vệ thực vật năm 2019) - Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa	269,0	110,1	Bàn giao cho xã Định Hóa quản lý, xử lý theo quy định (làm cơ sở hoạt động sự nghiệp của Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Định Hóa)

STT	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6	Trung tâm Văn hóa, Thể thao & Truyền thông			
6.1	Cơ sở hoạt động sự nghiệp (Đài truyền thanh truyền hình cũ) - Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa	1.006,6	333,0	Bàn giao cho xã Định Hóa quản lý, xử lý theo quy định (làm cơ sở hoạt động sự nghiệp của Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Định Hóa)
6.2	Cơ sở hoạt động sự nghiệp (Nhà thiếu nhi cũ) - Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa	8.509,1	793,8	Bàn giao cho xã Định Hóa quản lý, xử lý theo quy định (làm cơ sở hoạt động sự nghiệp của Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Định Hóa)
6.3	Cơ sở hoạt động sự nghiệp (Khu trung tâm VH TT) - Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa	65.419,4	506,0	Bàn giao cho xã Định Hóa quản lý, xử lý theo quy định (làm cơ sở hoạt động sự nghiệp của Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Định Hóa)
7	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị - Thị trấn Chợ Chu huyện Định Hoá	3.264,0	1011,0	Bàn giao cho xã Định Hóa quản lý, xử lý theo quy định (trung tâm Chính trị khu vực)
IX	HUYỆN VÕ NHAİ			
1	Trụ sở Huyện uỷ tại Tổ dân phố Tiên Phong, thị trấn Đình Cả	14.958,0	1.402,0	Bố trí trụ sở cho xã Võ Nhai mới
2	Trụ sở HĐND&UBND huyện Võ Nhai	11.180,0		Bố trí trụ sở xã Võ Nhai mới

STT	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3	Trụ sở làm việc (cũ) của Tòa án nhân dân huyện tại Tổ dân phố Tiên Phong thị trấn Đình Cả, Võ Nhai			Bố trí giáo dục, y tế, văn hoá...
4	Trụ sở Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Võ Nhai (cũ) tại Tổ dân phố Thái Long, thị trấn Đình Cả, Võ Nhai	378,0	930,0	Bố trí giáo dục, y tế, văn hoá...
5	Trụ sở Chi cục Thuế huyện Võ Nhai (cũ) tại Tổ dân phố Thái Long, thị trấn Đình Cả, Võ Nhai	1.101,3	1.101,3	Bố trí giáo dục, y tế, văn hoá...
6	Trung tâm Văn hóa, thể thao và truyền thông			Bố trí làm trụ sở cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND xã Võ Nhai mới
7	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên huyện (đất Trung tâm Dạy nghề cũ)			Tiếp tục sử dụng cho giáo dục
8	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên huyện (trụ sở gần Phòng GD&ĐT huyện) tại Tổ dân phố Tiên Phong, thị trấn Đình Cả, Võ Nhai	6.900,0	6.900,0	Bố trí làm nhà văn hóa tổ dân phố Tiên Phong hiện nay
9	Trung tâm Chính trị huyện tại Xóm Làng Lường, thị trấn Đình Cả, Võ Nhai	4.500,0		Tiếp tục sử dụng phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên, công chức của các xã thuộc huyện Võ Nhai trước khi sắp xếp

STT	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
10	Trụ sở (cũ) của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện	1535,5	695,0	Bố trí Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp và môi trường tỉnh (thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh sau sắp xếp Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện), Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Võ Nhai
11	Đài Truyền thanh Truyền hình huyện Võ Nhai, nay là Trung tâm Văn hóa, thể Thao- Truyền thông huyện gồm: Nhà đa chức năng huyện, Nhà văn hóa huyện tại tại Tổ dân phố Tiên Phong, thị trấn Đình Cả, Võ Nhai	1.362,3	342,0	Tiếp tục sử dụng phục vụ các hoạt động văn hóa thể thao trên địa bàn xã Võ Nhai sau sáp nhập



Phụ lục IV

Phương án sắp xếp, bố trí trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị cấp xã
 (Kèm theo Quyết định số ~~1035~~ ⁰⁹ /QĐ-UBND ngày 09/6/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Stt xã sau sắp nhập	Stt xã hiện tại	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		PHƯỜNG PHAN ĐÌNH PHÙNG			
1	1	Phường Phan Đình Phùng	3064,0	1844,0	Điều chuyển cho đơn vị có nhu cầu sử dụng
	2	Phường Hoàng Văn Thụ	2638,0	1380,0	Bố trí trụ sở Chi nhánh VP đăng ký đất đai TP Thái Nguyên
	3	Phường Trưng Vương	900,0	1240,0	Chuyển giao Trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện theo Quy định
	4	Phường Túc Duyên	4438,0	1092,0	Bố trí trụ sở Trung tâm Tư vấn và Xúc tiến đầu tư tỉnh Thái Nguyên thuộc Sở Tài chính và Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản (thuộc Sở Tư pháp)
	5	Phường Đồng Quang	1071,1	852,0	Bố trí trụ sở Công an phường Phan Đình Phùng Mới
	6	Phường Quang Trung	4450,2	1192,1	Bố trí trụ sở Ban quản lý bảo trì và Tư vấn xây dựng giao thông Thái Nguyên và Trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động tỉnh Thái Nguyên thuộc Sở Xây dựng
	7	Phường Tân Thịnh	1970,0	1636,0	Điều chuyển cho Trường Mầm non thực hành Cao đẳng Thái Nguyên
2		PHƯỜNG LINH SƠN			
	8	Phường Đồng Bẩm	1259,0	1864,0	Bố trí trụ sở phường Linh Sơn mới
	9	Phường Chùa Hang			

Stt xã sau sáp nhập	Stt xã hiện tại	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	-	Trụ sở làm việc UBND phường Chùa Hang	1426,0	1054,0	- Bố trí trụ sở Công an phường Linh Sơn mới. - Bàn giao trụ sở công an phường Đồng Bầm cho phường Linh Sơn quản lý, sử dụng.
	-	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Đồng Hỷ/ Phường Chùa Hang, TP Thái Nguyên	2206,0	2206,0	Chuyển giao cho phường Linh Sơn mới
	-	Trụ sở làm việc cũ của Trung tâm dạy nghề huyện Đồng Hỷ/ Phường Chùa Hang, TP Thái Nguyên (Đất thuộc hành lang đường)	477,0	477,0	Chuyển giao cho phường Linh Sơn mới
	-	Trụ sở làm việc cũ của Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện Đồng Hỷ/ Phường Chùa Hang, TP Thái Nguyên	155,0	155,0	Chuyển giao cho phường Linh Sơn mới
	-	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đồng Hỷ/ Phường Chùa Hang, TP Thái Nguyên	117,0	117,0	Chuyển giao cho phường Linh Sơn mới
	10	Xã Cao Ngạn	6616,0	1569,0	Bố trí trụ sở Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực V
	11	Xã Huống Thượng	2308,0	1408,0	Bố trí trụ sở Phường Linh Sơn mới
	12	Xã Linh Sơn	4660,0	1000,0	Bố trí trụ sở phường Linh Sơn mới
		PHƯỜNG TÍCH LƯƠNG			
	13	Phường Tích Lương	1875,0	1102,0	Bố trí trụ sở Phường Tích Lương mới
3	14	Phường Phú Xá	1616,0	1629,0	Bố trí trụ sở Phường Tích Lương mới
	15	Phường Tân Lập	7150,0	1157,0	Bố trí trụ sở Phường Tích Lương mới

Stt xã sau sắp nhập	Stt xã hiện tại	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	16	Phường Trung Thành	2242,0	1574,0	Bố trí trụ sở Công an phường Tích Lương mới
	17	Phường Tân Thành	1.915,3	1.334	Điều chuyển cho trường Tiểu học Tân Thành 1
4		PHƯỜNG GIA SÀNG			
	18	Phường Cam Giá	2200,0	1590,0	Bố trí trụ sở Phường Gia Sàng mới
	19	Phường Hương Sơn	3267,0	1151,0	Bố trí trụ sở Phường Gia Sàng mới
	20	Phường Gia Sàng	2436,0	1188,0	Điều chuyển cho trường mầm non Gia Sàng
	21	Xã Đồng Liên	1957,0	2250,0	Bố trí trụ sở Công an phường Gia Sàng mới
5	22	PHƯỜNG QUYẾT THẮNG			
		Xã Quyết Thắng	1012,0	640,0	Bố trí trụ sở Công an phường Quyết Thắng mới
	23	Xã Phúc Hà	6335,3	1901,4	Bố trí Một phần giao cho phường mới làm nhà văn hoá xóm Hà, quân sự, trạm y tế ...
	24	Phường Thịnh Đán	3258,0	1577,4	Bố trí Trụ sở phường Thịnh Đán và Trụ sở Trung tâm Văn hoá và Truyền thông tại Khu dân cư số 10 phường Thịnh Đán làm trụ sở Phường Quyết Thắng mới
6	25	PHƯỜNG QUAN TRIỀU			
		Phường Tân Long	1906,0	786,1	Bố trí trụ sở phường Quan Triều mới
	26	Phường Quang Vinh	3139,0	1475,7	Bố trí trụ sở phường Quan Triều mới
	27	Phường Quan Triều	945,6	972,0	Bố trí trụ sở Công an phường Quan Triều mới
	28	Xã Sơn Cẩm	3167,0	1414,9	Điều chuyển cho Trường Mầm non Sơn Cẩm

Stt xã sau sáp nhập	Stt xã hiện tại	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
7		XÃ TÂN CƯƠNG			
	29	Xã Tân Cương	2096,0	1298,0	Bố trí trụ sở xã Tân Cương mới
	30	Xã Thịnh Đức	9235,0	4360,0	Bố trí trụ sở xã Tân Cương mới
	31	Xã Bình Sơn (thành phố Sông Công)	2668,0	603,0	Bố trí trụ sở Công an xã Tân Cương mới
8	32	XÃ ĐẠI PHÚC			
		Xã Phúc Xuân	8947,0	8947,0	Bố trí trụ sở xã Đại Phúc mới
	33	Thị trấn Hùng Sơn (Huyện Đại Từ)	4294,7	3895,0	Bố trí trụ sở xã Đại Phúc mới
	34	Xã Phúc Triêu	9272,7	1923,1	Bố trí trụ sở Công an xã Đại Phúc mới
	35	Xã Tân Thái (Huyện Đại Từ)	10418,3	1991,6	Chuyển giao Trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện theo Quy định
	36	Xã Phúc Tân (TP Phổ Yên)	2252,0	1294,0	Chuyển giao Trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện theo Quy định
9		XÃ ĐẠI TỪ			
	37	Xã Bình Thuận	4.300,0	1290,0	Bố trí trụ sở HDND, UBND xã Đại Từ mới
	38	Xã Khôi Kỳ	5514,6	1195,0	Bố trí trụ sở Đảng ủy, Mặt trận Tổ quốc
	39	Xã Mỹ Yên	3169,2	744,4	Bố trí cho giáo dục, y tế...
	40	Xã Lục Ba	4965,30	1955,0	Bố trí trụ sở Đơn vị sự nghiệp và mở rộng Trạm y tế xã Đại Từ mới
		Xã Bình Thuận (trụ sở cũ)	1.243,0	300,0	Bố trí trụ sở Công an xã Đại Từ mới
10	41	XÃ ĐỨC LƯƠNG			
		Xã Đức Lương	6658,8	1.345,2	Bố trí trụ sở xã Đức Lương mới
	42	Xã Phúc Lương	14491,0	986,9	Bố trí trụ sở Công an xã Đức Lương mới, bàn giao lại trụ sở Công an xã Đức Lương hiện tại (giáp UBND xã Đức Lương) cho xã Đức Lương làm trụ sở
	43	Xã Minh Tiến	3.002,2	798,0	Bố trí trụ sở xã Đức Lương mới

Stt xã sau sáp nhập	Stt xã hiện tại	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
11	44	XÃ PHÚ THỊNH			
		Xã Phú Thịnh	4419,0	909,0	Bố trí cho Công an xã Phú Thịnh mới (bàn giao lại trụ sở Công an xã Bản Ngoại (giáp UBND xã Bản Ngoại) cho xã Phú Thịnh mới làm trụ sở)
	45	Xã Bản Ngoại	4235,0	1511,4	Bố trí trụ sở xã Phú Thịnh mới
	46	Xã Phú Cường	11471,1		Bố trí trụ sở Đơn vị sự nghiệp; Trung tâm hành chính công cho xã Phú Thịnh mới
12		XÃ PHÚ LẠC			
	47	Xã Phú Lạc	4.532,0	1796,0	Bố trí trụ sở Công an xã Phú Lạc mới
	48	Xã Phục Linh	2.525,0	1994,0	Bố trí trụ sở xã Phú Lạc mới
	49	Xã Tân Linh (2 vị trí)	5.867	1611,0	Bố trí trụ sở xã Phú Lạc mới
	50	Xã Phú Lạc (xã Phú Lạc cũ)	1.610	128,0	Đơn vị sự nghiệp; Trung tâm hành chính công
13		XÃ AN KHÁNH			
	51	Xã An Khánh	3411,8	1571,5	Bố trí trụ sở Công an xã An Khánh mới
	52	Xã Cù Vân	5870,0	2007,0	Bố trí trụ sở xã An Khánh mới
	53	Xã Hà Thượng	3142,0	3838,0	Bố trí Ban Chỉ huy Quân sự xã; Trung tâm hành chính công
14		XÃ QUÂN CHU			
	54	Xã Cát Nê	1576,0	1330,0	Bố trí trụ sở cho Đơn vị sự nghiệp; Trung tâm hành chính công của xã Quân Chu mới
	55	Thị trấn Quân Chu	1422,10	1422,10	Bố trí trụ sở xã Quân Chu mới
		Thị trấn Quân Chu (cũ)	2.908	953,1	Bố trí trụ sở Công an xã Quân Chu mới
		Trụ sở xã Quân Chu cũ	4.082	887,9	Bàn giao cho trường Mầm non Sơn Ca
15		XÃ VẠN PHÚ			
	56	Xã Vạn Phú	11400,00	1546,0	Bố trí trụ sở xã Vạn Phú mới

Stt xã sau sáp nhập	Stt xã hiện tại	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	57	Xã Văn Yên	3452,8	800,0	Bố trí Trụ sở HĐND; Ủy ban Mặt trận tổ quốc; Đoàn thể; Đơn vị sự nghiệp
		Xã Vạn Phú (trụ sở xã Vạn Thọ cũ)	4.013	677	Bàn giao cho trường Mầm non Vạn Thọ
		Xã Vạn Phú (trụ sở xã Ký Phú cũ)	4.027	0	Bố trí trụ sở Công an xã Vạn Phú mới
16		XÃ LA BẰNG			
	58	Xã Tiên Hội	3.043,50	1.166,0	Bố trí trụ sở đơn vị sự nghiệp, MTTQ và các khối đoàn thể của xã La Bằng
		Xã Hoàng Nông	8.047,00	2.898,0	Bố trí trụ sở xã La Bằng mới
	59	Xã La Bằng	2.932,0	1.418,00	Bố trí trụ sở Công an xã La Bằng mới. Bàn giao trụ sở Công an xã La Bằng hiện tại (giáp UBND xã La Bằng) cho xã La Bằng mới làm trụ sở
		Xã Hoàng Nông (Trụ sở cũ)	1.452	0	Bàn giao cho xã La Bằng mới làm cơ sở văn hoá
17		XÃ PHÚ XUYỀN			
	60	Xã Yên Lãng	10.448,3	517,9	Bố trí trụ sở xã Phú Xuyên mới
		Trụ sở xã Yên Lãng (cũ)	2.050,0	659,0	Bố trí cho y tế, giáo dục...
	61	Xã Phú Xuyên	7.014	1.464,0	Bố trí cho Công an xã Phú Xuyên mới. Bàn giao lại Công an xã Yên Lãng hiện tại cho xã Phú Xuyên mới làm trụ sở
		Xã Phú Xuyên (xã Na Mao cũ)	3.541	1078	Điều chuyển cho Trường TH&THCS Việt Ấn
18		PHƯỜNG PHỔ YÊN			
	62	Phường Ba Hàng	1914,0	656,0	Bố trí trụ sở Công an phường Phổ Yên mới
	63	Phường Bãi Bông	8423,0	2450,0	Bố trí cho y tế, giáo dục...
	64	Phường Hồng Tiến	3010,0	879,0	Bố trí cho y tế, giáo dục...

Stt xã sau sáp nhập	Stt xã hiện tại	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	65	Phường Đắc Sơn	10236,3	1543,0	Bố trí cho y tế, giáo dục...
19		PHƯỜNG VẠN XUÂN			
	66	Phường Nam Tiến	2755,0	1073,0	Bố trí cho y tế, giáo dục...
	67	Phường Đồng Tiến	7500,0	1528,0	Bố trí trụ sở Công an phường Vạn Xuân mới
	68	Phường Tiên Phong	5220,8	1446,4	Bố trí cho y tế, giáo dục...
	69	Phường Tân Hương	1985,0	2083,5	Bố trí cho y tế, giáo dục...
20		PHƯỜNG TRUNG THÀNH			
	70	Phường Đông Cao	3090,0	1201,0	Bố trí trụ sở Công an phường Trung Thành mới
	71	Phường Tân Phú	5265,3	1689,8	Bố trí cho y tế, giáo dục...
	72	Phường Thuận Thành	4490,0	1408,0	Bố trí trụ sở phường Trung Thành mới
	73	Phường Trung Thành	5450,0	1233,0	Bố trí trụ sở phường Trung Thành mới
21		PHƯỜNG PHÚC THUẬN			
	74	Xã Phúc Thuận	5504,0	1493,2	Bố trí trụ sở xã Phúc Thuận mới
	75	Phường Bắc Sơn	3184,0	1800,0	Bố trí trụ sở xã Phúc Thuận mới
	76	Xã Minh Đức	2239,0	1160,0	Bố trí trụ sở Công an phường Phúc Thuận mới
22		XÃ THÀNH CÔNG			
	77	Xã Vạn Phái	2740,0	1527,0	Bố trí trụ sở Công an xã Thành Công mới. Bàn giao trụ sở Công an xã Thành Công hiện tại để bố trí trụ sở xã Thành Công mới
	78	Xã Thành Công	9100,0	1501,4	Bố trí trụ sở xã Thành Công mới
23		XÃ PHÚ BÌNH			
	79	Thị trấn Hương Sơn	1915,0	1255,0	Bố trí trụ sở Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Bình
	80	Xã Úc Kỳ	6237,0	1098,0	Bố trí cho y tế, giáo dục...
	81	Xã Xuân Phương	3270,0	2821,0	Bố trí trụ sở Công an xã Phú Bình

Stt xã sau sáp nhập	Stt xã hiện tại	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	82	Xã Nhã Lộng	4777,8	240,0	Bố trí cho y tế, giáo dục...
	83	Xã Bảo Lý	3284,2	1312,0	Bố trí cho y tế, giáo dục...
24		XÃ TÂN THÀNH			
	84	Xã Tân Thành	1915,3	1704,0	Bố trí trụ sở xã Tân Thành mới
	85	Xã Tân Hòa	3883,0	1065,0	Bố trí trụ sở xã Tân Thành mới
	86	Xã Tân Kim	3200,0	656,0	Bố trí trụ sở Công an xã Tân Thành mới
25		XÃ ĐIỀM THỤY			
	87	Xã Điềm Thụy	1858,3	1270,0	Bố trí trụ sở xã Điềm Thụy mới
	88	Xã Thượng Đình	3270,0	1548,5	Bố trí trụ sở Công an xã Điềm Thụy mới
	89	Xã Hà Châu	3387,0	954,0	Bàn giao cho xã Điềm Thụy mới làm cơ sở văn hoá
	90	Xã Nga My	4.536	760	Bố trí trụ sở Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã Điềm Thụy mới
26		XÃ KHA SƠN			
	91	Xã Lương Phú	4848,0	686,0	Bố trí trụ sở UBND xã Kha Sơn mới
	92	Xã Kha Sơn	3358,0	1553,0	Bố trí trụ sở Đảng ủy, MTTQ xã Kha Sơn mới
	93	Xã Thanh Ninh	1915,3	1040,0	Bố trí trụ sở Công an xã Kha Sơn mới
	94	Xã Dương Thành	2158,4	1031,0	Bố trí cho y tế, giáo dục, ...
	95	Xã Tân Đức	1672,0	570,0	Bố trí cho y tế, giáo dục, ...
27		XÃ TÂN KHÁNH			
	96	Xã Tân Khánh	6107,6	2691,0	Bố trí trụ sở UBND xã Tân Khánh mới
	97	Xã Bàn Đạt	2002,5	822,0	Bố trí trụ sở Công an xã Tân Khánh mới
	98	Xã Đào Xá	6265,7	3856,0	Bố trí trụ sở Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã Tân Khánh mới
28		XÃ ĐỒNG HỖ			Bố trí trụ sở tại khu vực Trung tâm hành chính huyện Đồng Hỷ
	99	Xã Minh Lập	1622,0	1462,0	Bàn giao cho xã Đồng Hỷ mới sau sáp nhập làm cơ sở giáo dục, văn hoá

Stt xã sau sáp nhập	Stt xã hiện tại	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Nhà trạm thuế xã Minh Lập	120,0	68,0	Bàn giao cho xã Đồng Hỷ mới sau sáp nhập quản lý sử dụng làm cơ sở y tế, giáo dục hoặc cơ sở văn hóa
	100	Xã Hóa Trung	3766,0	1247,0	Bố trí trụ sở Văn phòng đăng ký đất đai Đồng Hỷ
	101	Thị trấn Hóa Thượng	6035,0	1737,5	Bố trí làm trụ sở xã và Trung tâm chính trị xã Đồng Hỷ sau sáp nhập
	102	Thị trấn Sông Cầu	1799,0	927,0	Bố trí trụ sở Công an xã Đồng Hỷ mới
29		XÃ QUANG SON			
	103	Xã Tân Long	2253,0	1832,0	Bố trí trụ sở Công an xã Quang Sơn mới
	104	Xã Quang Sơn	3249,0	1593,0	Bố trí trụ sở xã Quang Sơn mới
30		XÃ TRẠI CAU			
	105	Xã Hợp Tiến	4455,0	1012,0	Bố trí trụ sở của xã Trại Cau mới
	106	Thị trấn Trại Cau	3578,0	1069,0	Bố trí trụ sở xã Trại Cau mới Bố trí trụ sở Công an thị trấn Trại Cau hiện tại cho xã Trại Cau mới quản lý, sử dụng
		Xã Tân Lợi (cũ)	2883,0	1290,0	Bố trí trụ sở Công an xã Trại Cau mới
31		XÃ NAM HÒA			
	107	Xã Nam Hòa	3004,0	1597,0	Bố trí trụ sở xã Nam Hòa mới
	108	Xã Cây Thị	1655,0	1313,0	Bố trí trụ sở Công an xã Nam Hòa mới
32		XÃ VĂN HÁN			
	109	Xã Khe Mo	1939,0	950,0	Bố trí trụ sở Công an xã Văn Hán mới. Bàn giao lại Công an xã Văn Hán hiện tại cho xã Văn Hán mới làm trụ sở
	110	Xã Văn Hán	11113,0	1360,0	Bố trí trụ sở xã Văn Hán mới
		Nhà trạm thuế xã Văn Hán	120,0	68,0	Bàn giao cho xã Văn Hán mới quản lý sử dụng làm cơ sở y tế, giáo dục hoặc cơ sở văn hóa

Stt xã sau sáp nhập	Stt xã hiện tại	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
33		XÃ VĂN LĂNG			
	111	Xã Hòa Bình	2852,0	1168,0	Bố trí trụ sở Công an xã Văn Lăng mới
	112	Xã Văn Lăng	3427,0	1221,0	Bố trí trụ sở xã Văn Lăng mới
34		PHƯỜNG SÔNG CÔNG			
	113	Phường Thắng Lợi	3870,4	1233,0	Bố trí trụ sở Mặt trận Tổ quốc, Trung tâm hành chính công và Ban Chỉ huy Quân sự phường Sông Công
	114	Phường Phố Cò	1700,0	683,0	Bố trí trụ sở Công an phường Sông Công mới
	115	Phường Cải Đan	1392,0	776,0	Bố trí trụ sở Ban Quản lý dự án Khu vực và Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực
35		PHƯỜNG BÁ XUYỀN			
	116	Xã Bá Xuyên	3857,0	2041,0	Bố trí trụ sở HĐND-UBND phường Bá Xuyên
	117	Phường Mỏ Chè	2158,0	1150,0	Bố trí trụ sở Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường Bá Xuyên
	118	Phường Châu Sơn	3100,0	1828,0	Bố trí trụ sở Công an phường Bá Xuyên mới
36		PHƯỜNG BÁCH QUANG			
	119	Phường Bách Quang	4443,0	1799,0	Bố trí trụ sở của HĐND-UBND phường Bách Quang
	120	Xã Tân Quang	8802,0	1227,0	Bố trí trụ sở Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Trung tâm dịch vụ tổng hợp phường Bách Quang
	121	Phường Lương Sơn	12861,0	946,0	- Chuyển đổi, thành lập trường THPT Sông Công II, thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. - Bố trí trụ sở Công an phường Bách

Stt xã sau sáp nhập	Stt xã hiện tại	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					Quang mới sử dụng gồm trụ sở Công an xã Lương Sơn hiện tại và bố trí thêm trụ sở trường mầm non Lương Sơn cũ
37		XÃ PHÚ LƯƠNG			
	122	Thị trấn Đu	14768,5	5801,0	Bố trí trụ sở xã Phú Lương mới
	123	Thị trấn Giang Tiên (trụ sở xã Phần Mễ cũ)	4665,9	1341,1	Bố trí Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Phú Lương
		Thị trấn Giang Tiên cũ	3983,0	3870,0	Bố trí trụ sở Công an xã Phú Lương mới
	124	Xã Động Đạt	3874,0	1009,0	Bố trí trụ sở xã Phú Lương mới
	125	Xã Yên Lạc	1307,0	1046,0	Bố trí cho y tế, giáo dục...
38		XÃ VÔ TRANH			
	126	Xã Tức Tranh	2321,7	997,0	Bố trí trụ sở chính xã Vô Tranh mới
	127	Xã Vô Tranh	3254,3	786,5	Bố trí trụ sở Công an xã Vô Tranh mới
	128	Xã Cổ Lũng	4491,3	2254,7	Bố trí trụ sở xã Vô Tranh mới
	129	Xã Phú Đô	2607,6	1116,6	Bố trí cho y tế, giáo dục...
39		XÃ YÊN TRẠCH			
	130	Xã Yên Ninh	1335,2	513,0	Bố trí trụ sở Công an xã Yên Trạch mới
	131	Xã Yên Trạch	1335,2	804,9	Bố trí trụ sở xã Yên Trạch mới
	132	Xã Yên Đỗ	4736,0	519,9	Bố trí trụ sở xã Yên Trạch mới
40		XÃ HỢP THÀNH			
	133	Xã Hợp Thành	3625,0	520,0	Bố trí trụ sở Công an Hợp Thành mới
	134	Xã Ôn Lương	1065,0	1065,0	Bố trí trụ sở chính xã Hợp Thành
	135	Xã Phú Lý	1669,0	1669,0	Bố trí trụ sở chính xã Hợp Thành
41		XÃ ĐỊNH HÓA			
	136	Thị trấn Chợ Chu tại Tổ dân phố Cốc Lùng, thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	2123,00	1166,0	Bố trí trụ sở Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Định Hóa

Stt xã sau sáp nhập	Stt xã hiện tại	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Thị trấn Chợ Chu (cũ) tại Tổ dân phố Trung Kiên, thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	2336,00	435,0	Bố trí trụ sở Công an xã Định Hóa mới
		Xã Bảo Cường (cũ) tại xã Bảo Cường huyện Định Hóa	541,0	541,0	Chuyển giao cho xã Định Hóa quản lý, xử lý theo quy định Bô trí làm trụ sở Trạm y tế xã Định Hóa
	137	Xã Phúc Chu	4448,7	1880,4	Chuyển giao cho xã Định Hóa quản lý, xử lý theo quy định (Bô trí làm trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã Định Hóa)
	138	Xã Bảo Linh	6566,2	4867,7	Bàn giao cho trường Mầm non Bảo Linh
	139	Xã Đồng Thịnh	4895,0	1143,0	Bàn giao cho tiểu học Đồng Thịnh
42		XÃ BÌNH YÊN			
	140	Xã Bình Yên	5564,4	2824,9	Bố trí trụ sở UBND xã Bình Yên mới
	141	Xã Trung Lương	1535,0	881,2	Bố trí trụ sở Đảng ủy, đoàn thể xã Bình Yên mới
	142	Xã Định Biên	7086,3	1400,0	Bố trí trụ sở Công an xã Bình Yên mới
	143	Xã Thanh Định	1289,9	1232,0	Bố trí trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã Bình Yên mới
43		XÃ TRUNG HỘI			
	144	Xã Trung Hội	2481,0	1326,2	Bố trí trụ sở UBND xã Trung Hội mới
		Xã Trung Hội (cũ)	783,5		Bàn giao cho xã Trung Hội mới quản lý, xử lý theo quy định
	145	Xã Phú Tiến	1973,5	1292,1	Bố trí trụ sở Đảng ủy, đoàn thể xã Trung hội mới
	146	Xã Bộc Nhiêu	5764,0	1491,9	Bố trí trụ sở Công an xã Trung Hội mới

Stt xã sau sáp nhập	Stt xã hiện tại	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Xã Bộc Nhiêu (cũ)	300,0		Bàn giao cho xã Trung Hội mới
		XÃ PHƯỢNG TIẾN			
44	147	Xã Phượng Tiến	9570,0	1328,7	Bố trí Trụ sở Đảng, đoàn thể xã Phượng Tiến, Bố trí trụ sở Công an xã Phượng Tiến cho xã Phượng Tiến mới quản lý, sử dụng
	148	Xã Tân Thịnh	5319,2	1318,1	Bố trí trụ sở Công an xã Phượng Tiến mới, bố trí trụ sở công an xã Tân Thịnh cho xã Phượng Tiến mới quản lý, sử dụng
	149	Xã Tân Dương	10898,0	1595,1	Trụ sở UBND xã Phượng Tiến mới. Bố trí trụ sở công an xã Tân Dương cho xã Phượng Tiến mới quản lý, sử dụng
		Xã Tân Dương (cũ)	10898,00	241,8	Bàn giao cho xã Phượng Tiến mới
		XÃ PHÚ ĐÌNH			
45	150	Xã Diêm Mặc	3135,0	3562,5	Bố trí Trụ sở Đảng uỷ, đoàn thể xã Phú Đình mới
		Xã Diêm Mặc (Cũ)	1181,0		Bàn giao cho xã Phú Đình mới xử lý theo quy định
	151	Xã Phú Đình	2731,5	986,0	Bố trí Trụ sở Khối Chính quyền xã Phú Đình mới Bố trí thêm phần còn lại của trường THCS Phú Đình cũ (đã di chuyển ra vị trí mới) cho Công an xã Phú Đình mới
		XÃ BÌNH THÀNH			
46	152	Xã Bình Thành	2072,6	1004,0	Bố trí Trụ sở Khối Chính quyền xã Bình Thành đề xuất tại trụ sở xã Bình Thành (cũ).

Stt xã sau sáp nhập	Stt xã hiện tại	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Cơ sở tiếp nhận từ trạm y tế xã năm 2024 - xã Bình Thành, huyện Định Hóa	1255,4	1255,4	Bố trí sử dụng tạm thời trụ sở công an xã Bình Thành mới, đồng thời công an xã sử dụng thêm trụ sở công an xã Bình Thành hiện tại
	153	Xã Sơn Phú	2273,0	1742,4	Bố trí Trụ sở Đảng ủy, đoàn thể xã Bình Thành mới
		XÃ KIM PHƯỢNG			
47	154	Xã Kim Phượng	3021,9	2454,3	Bố trí Trụ sở Khối Chính quyền xã Kim Phượng mới
		Xã Kim Phượng (cũ)	2007,6	2007,6	Bố trí cho trường THCS Kim Phượng
	155	Xã Quy Kỳ	1917,3	1159,2	Bố trí Trụ sở Đảng, đoàn thể xã Kim Phượng mới
		XÃ LAM VỸ			
48	156	Xã Lam Vỹ	2991,9	1623,7	Bố trí Trụ sở Khối Chính quyền xã Lam Vỹ mới
		Trụ sở BCH quân sự xã Lam Vỹ, huyện Định Hóa	600,0		Bố trí sử dụng tạm thời trụ sở Công an xã Lam Vỹ mới
	157	Xã Linh Thông	6355,7	1190,7	Bố trí Trụ sở Đảng ủy, đoàn thể xã Lam Vỹ mới
		XÃ VÕ NHAİ			
49	158	Thị trấn Đình Cả	5536,1	5518,5	Bố trí làm Trụ sở xã Võ Nhai mới
	159	Xã Phú Thượng	4219,6	1843,2	Bố trí trụ sở Công an xã Võ Nhai mới
	160	Xã Lâu Thượng	5374,4	1316,1	Bố trí cho trường Mầm non Lâu Thượng quản lý, sử dụng
50		XÃ DÂN TIẾN			

Stt xã sau sáp nhập	Stt xã hiện tại	Tên trụ sở của đơn vị hành chính	Diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	161	Xã Dân Tiến	6253,2	1178,0	Bố trí trụ sở cho UBND xã Dân Tiến, bố trí trụ sở công an xã Dân Tiến cho xã Dân Tiến mới quản lý, sử dụng
	162	Xã Bình Long	6687,9	1632,0	Bố trí 5.457,9m ² trụ sở UBND xã làm nhà công vụ cho cán bộ công chức, giáo viên; bố trí 10.000m ² đất khu thể thao điều chuyển cho Trường THCS Bình Long quản lý sử dụng làm sân tập cho học sinh
	163	Xã Phương Giao	10173,3	2337,0	Bố trí trụ sở công an xã Dân Tiến mới, chuyển trụ sở công an xã Phương Giao cho xã Dân Tiến mới quản lý, sử dụng
51		XÃ NGHINH TUỜNG			
	164	Xã Nghinh Tường	3354,3	1595,5	Bố trí trụ sở xã Nghinh Tường mới
	165	Xã Vũ Chấn	3982,3	1236,0	Bố trí trụ sở Công an xã Nghinh Tường mới
52		XÃ THẦN SA			
	166	Xã Thần Sa	1247,7	1247,7	Bố trí trụ sở xã Thần Sa mới
	167	Xã Thượng Nung	2223,3	1259,0	Bố trí trụ sở Công an xã Thần Sa mới
53		XÃ LA HIÊN			
	168	Xã La Hiên hiện nay	15226,1	937,0	Bố trí trụ sở xã La Hiên mới
	169	Xã Cúc Đường	3325,2	972,8	Bố trí trụ sở Công an xã La Hiên mới
54		XÃ TRÀNG XÁ			
	170	Xã Tràng Xá	3395,3	1435,5	Bố trí trụ sở xã Tràng Xá mới
	171	Xã Liên Minh	12400,0	1277,0	Bố trí trụ sở Công an xã Tràng Xá mới
55	172	XÃ SÁNG MỘC	11966,4	1336,5	Bố trí trụ sở xã Sáng Mộc